UBND P. ĐÔNG GIA NGHĨA
TRƯỜNG MẦM NON HOA LAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc

Số: 01/KH-CM

Đông Gia Nghĩa, ngày 05 tháng 9 năm 2026

KẾ HOẠCH CHĂM SÓC GIÁO DỤC
NĂM HỌC 2026 – 2027

Căn cứ vào Văn bản hợp nhất 01/2021/VBHN- BGD-ĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thông tư ban hành Chương trình Giáo dục mầm non;

Căn cứ văn bản hợp nhất số 09/2026/VBHN-TT ngày 23 tháng 7 năm 2026 về ban hành điều lệ trường mầm non;

Căn cứ Thông tư 4222/2024/TT-BGD&ĐT ngày 27 tháng 12 năm 2024 Quyết định về việc ban hành về Bộ chuẩn phát triển trẻ 5 tuổi;

Căn cứ Thông tư số 57/2026/TT-BGDĐT ngày 07/7/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về bảo đảm chất lượng giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục thường xuyên; công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non và trường phổ thông;

Căn cứ Hướng dẫn số 4580/SGD&ĐT-GDMN ngày 30 tháng 8 năm 2026 của Sở giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non năm học 2026 – 2027;

Căn cứ Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của Hiệu trưởng trường mầm non Hoa Lan năm học 2026 - 2027;

Căn cứ vào tình hình thực tế của trường Mầm Non Hoa Lan, bộ phận chuyên môn xây dựng kế hoạch chăm sóc giáo dục năm học 2026 – 2027 như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi

Được sự quan tâm, chỉ đạo của Đảng ủy, chính quyền địa phương, phòng VHXH phường và Ban Giám hiệu nhà trường, tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên đoàn kết, có tinh thần trách nhiệm trong công tác CS, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.

Sau sáp nhập, quy mô trường được mở rộng, số lượng trẻ, nhóm/lớp và đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên tăng lên, tạo điều kiện thuận lợi trong việc phát huy nguồn lực, chia sẻ kinh nghiệm và tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ. Đội ngũ giáo viên cơ bản đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, nhiệt tình, yêu nghề, có ý thức phối hợp thực hiện nhiệm vụ.

Phụ huynh ngày càng quan tâm đến công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ, bước đầu có sự phối hợp với nhà trường trong việc chăm sóc, giáo dục trẻ

2. Khó khăn

Sau sáp nhập, quy mô trường tăng, số lượng trẻ, nhóm/lớp và đội ngũ tăng khoảng 3 lần, đặt ra yêu cầu cao trong công tác quản lý, điều hành, phối hợp chuyên môn và tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi phục vụ công tác chăm sóc, giáo dục trẻ ở một số điểm trường còn chưa đồng bộ. Đội ngũ giáo viên có sự chênh lệch về kinh nghiệm và năng lực chuyên môn, một số giáo viên cần tiếp tục được bồi dưỡng, hỗ trợ trong việc thực hiện Chương trình Giáo dục mầm non theo quan điểm lấy trẻ làm trung tâm.

Một bộ phận phụ huynh còn gặp khó khăn về điều kiện kinh tế, việc phối hợp với nhà trường trong chăm sóc, giáo dục trẻ chưa thường xuyên.

II. NHIỆM VỤ CHUNG

1. Thực hiện hiệu quả Chương trình Giáo dục mầm non hiện hành, chủ động nghiên cứu Chương trình Giáo dục mầm non mới theo QĐ số 338/QĐ/BGDĐT ngày 12/2/2026 và thực hiện khi có chỉ đạo SGD. Tiếp tục xây dựng môi trường giáo dục hạnh phúc, an toàn, thân thiện, lấy trẻ làm trung tâm.

2. Thực hiện hiệu quả Chương trình GDMN, đổi mới hình thức tổ chức hoạt động theo hướng GD lấy trẻ làm trung tâm. Tăng cường các hoạt động trải nghiệm, kỹ năng sống, phát triển toàn diện cho trẻ phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường. Bảo đảm mọi trẻ được tham gia đầy đủ các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, không để trẻ bị hạn chế cơ hội tiếp cận giáo dục.

Quan tâm, hỗ trợ trẻ có hoàn cảnh khó khăn, trẻ khuyết tật. Tăng cường tiếng Việt cho trẻ em dân tộc thiểu số thông qua các hoạt động CS, ND, giáo dục hằng ngày, chú trọng phát triển vốn từ, khả năng nghe, hiểu và giao tiếp bằng tiếng Việt, phù hợp với độ tuổi và đặc điểm ngôn ngữ của trẻ. Phối hợp với gia đình, tạo môi trường giao tiếp tiếng Việt thường xuyên, giúp trẻ mạnh dạn, tự tin tham gia các hoạt động.

3. Củng cố, duy trì và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 5 đến 6 tuổi, thực hiện hiệu quả phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em từ 3 đến 5 tuổi. Huy động, duy trì trẻ đến trường, nâng cao tỷ lệ chuyên cần, rà soát, cập nhật đầy đủ dữ liệu trẻ trong độ tuổi.

Tổ chức cho trẻ học 2 buổi/ngày, 100% trẻ được ăn bán trú, thực hiện chương trình phù hợp với tình hình thực tế sau sáp nhập. Đối với 02 lớp ghép khối Chồi, tổ chức thực hiện Chương trình GDMN linh hoạt, phù hợp với độ tuổi, khả năng và đặc điểm của từng nhóm, xây dựng kế hoạch giáo dục, nội dung và hình thức tổ chức hoạt động bảo đảm yêu cầu cần đạt của từng độ tuổi, tạo điều kiện để trẻ được tham gia đầy đủ các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Trẻ 5 tuổi thực hiện Bộ chuẩn phát triển trẻ em 5 tuổi theo Quyết định số 4222/QĐ-BGDĐT ngày 27/12/2024, theo dõi, đánh giá trẻ theo quy định. Đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng lấy trẻ làm

trung tâm, tăng cường trải nghiệm, phát triển vận động, kỹ năng sống, cảm xúc xã hội, chú trọng đổi mới môi trường giáo dục.

Lồng ghép giáo dục bảo vệ môi trường, quê hương, an toàn giao thông, sử dụng năng lượng tiết kiệm, khuyến khích giáo viên vận dụng linh hoạt Montessori, STEAM, STEM và các phương pháp giáo dục phù hợp.

4. Bảo đảm số lượng, chất lượng đội ngũ, thực hiện kế hoạch BDTX cho cán bộ quản lý, giáo viên. Tăng cường sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn, chia sẻ kinh nghiệm và hỗ trợ chuyên môn trong đội ngũ sau sáp nhập. Rà soát, khai thác và sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị, đồ dùng, đồ chơi và học liệu phục vụ chăm sóc, giáo dục trẻ. Phối hợp tổ chức cho trẻ làm quen tiếng Anh theo Thông tư số 50/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 và các hoạt động năng khiếu phù hợp. Quan tâm hỗ trợ chuyên môn đối với giáo viên dạy lớp ghép, GV thực hiện nhiệm vụ tăng cường tiếng Việt cho trẻ em dân tộc thiểu số, tổ chức chia sẻ kinh nghiệm, xây dựng và khai thác học liệu phù hợp và điều kiện thực tế của nhà trường.

5. Đổi mới quản lý, chuyên môn, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, trong đội ngũ. Đổi mới sinh hoạt chuyên môn, kiểm tra, đánh giá theo hướng trọng tâm, thiết thực, thực hiện công tác tự đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục của nhà trường.

6. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và bảo đảm an toàn, quyền của trẻ. Chủ động, linh hoạt trong phòng chống thiên tai, dịch bệnh, bảo đảm an toàn về thể chất và tinh thần cho trẻ

III. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Công tác duy trì và phát triển số lượng

Đầu năm học nhà trường đã huy động trẻ ra lớp học được 543 trẻ (trong đó học sinh dân tộc 193 cháu, nữ dân tộc 193 cháu, học sinh hộ nghèo 09 cháu, cận nghèo 19 cháu, Trẻ khuyết tật 0).

Tổng số lớp: 24 nhóm lớp; 94% trẻ ăn bán trú tại trường.

Trong đó: Khối Lá có 7 lớp tổng 201 trẻ; Khối chồi có 08 lớp tổng 164 trẻ; Khối Mầm có 6 lớp tổng 120 trẻ; nhóm trẻ 3 nhóm tổng 58 trẻ

Toàn trường có 3 tổ khối: 1 Tổ khối Lá và 1 tổ phó; 1 Tổ khối chồi và 1 tổ phó; 1 tổ khối Mầm nhà trẻ và 2 tổ phó.

*** Chỉ tiêu**: Phấn đấu huy động trẻ 3 - 5 tuổi đến trường đạt 85 - 95% trong đó Trẻ 5 tuổi ra lớp đạt 100%; Duy trì sĩ số 98%; Bé chăm từ 85 - 95%.

* **Biệnpháp**

- CM cùng GV và nhà trường, chính quyền địa phương làm tốt công tác

tuyên truyền và vận động các gia đình có con em trong độ tuổi ra lớp học đúng độ tuổi.

- Phối hợp với Hiệu trưởng tham mưa đầu tư, củng cố về CSVC, đổi mới phương pháp CSND trẻ, duy trì mối quan hệ mật thiết giữa gia đình và nhà trường.

2. Công tác giáo dục

- Đối với giáo viên

** Chỉ tiêu cụ thể*

- 100% Gv được tham gia lớp tập huấn CM do SGD & trường tổ chức.

- Cán bộ giáo viên tham gia BDTX phấn đấu phấn đấu 100% CB,GV hoàn thành chương trình đúng tiến độ và được cấp giấy chứng nhận theo quy định

- 100% Gv biết UDCNTT soạn giảng trên phần mềm edubot và lưu trữ hồ sơ trên phần mềm fbot.

- Giáo viên 02 lớp ghép khối Chồi căn cứ Kế hoạch năm, XDKH, tổ chức hoạt động phù hợp với từng độ tuổi, đảm bảo trẻ được CS,GD và tham gia đầy đủ các hoạt động.

- 53/53 Gv tham gia thao giảng: 2 đợt/năm. Trong đó: Khá giỏi trên 80% phấn đấu không có giáo viên yếu kém.

- Dự kiến dự giờ từ 4 – 5 tiết (*Tuỳ vào tình hình thực tế về năng lực của giáo viên ...)*

- Dự thi viết SKKN 30 – 40%

- Kế hoạch thực hiện chuyên đề "*XD môi trường giáo dục lấy trẻ làm trung tâm*" Giáo dục trẻ theo hướng trải nghiệm.

- Vận dụng giáo dục 1 - 2 chuyên đề/tổ giáo dục STEM/STEAM, hoặc phương pháp khác/1 năm học. Trong kế hoạch chủ đề 2 tiết trở lên/chủ đề/lớp.

Phối hợp các ngày hội phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường, chú trọng tạo cơ hội cho trẻ được trải nghiệm, giao lưu và phát triển năng lực, trong đó dự kiến các hoạt động:

Ngày hội văn hoá – Văn nghệ, trò chơi dân gian chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11.

"Tổ chức HĐ trãi nghiệm chào mừng ngày 22/12

"Hoạt động trải nghiệm: Xuân yêu thương 2027"

"Thi đua sáng tạo đồ dùng, đồ chơi tự tạo chào mừng ngày 20/10; 8/3; 26/3"…

Tổ chức tham quan trường tiểu học cho trẻ khối Lá

Khám phá sân chơi "Rung chuông vàng" cho trẻ khối Mầm, Chồi, Lá.

Tham gia các hoạt động theo văn bản hướng dẫn, phát động của Phòng Văn hóa và cấp có thẩm quyền.

- Hội giảng chuyên đề cấp trường 3 – 5 tiết/1 năm.

* Hồ sơ giáo viên: Kiểm tra vào 3 đợt trong năm, đột xuất *(nếu có)* phấn đấu đạt loại tốt 80%; khá 20%;

* Kiểm tra hoạt động sư phạm nhà giáo khoảng 20% tổng số giáo viên/năm; kiểm tra chuyên đề khoảng 20% tổng số giáo viên/năm, bảo đảm phù hợp với tình hình thực tế và kế hoạch kiểm tra nội bộ của nhà trường.

* Tăng cường dự giờ, thăm lớp, kiểm tra đột xuất và tư vấn, hỗ trợ chuyên môn, chú trọng bồi dưỡng giáo viên còn hạn chế về năng lực CM. Từ khá lên giỏi,

từ ĐYC lên khá… *(tùy vào tình hình thực tế chuyên môn có kế hoạch bồi dưỡng trong năm học*)

*** Đối với học sinh**

Chỉ tiêu

- Duy trì sĩ số: 98%; Bé chăm: 85 – 95.

- Phát triển các lĩnh vực cuối năm đạt trên 80%

- 100% trẻ 5 tuổi được bồi dưỡng các kỹ năng cần thiết và chuẩn bị tâm thế sẵn sàng trước khi vào lớp 1.

** Biện pháp*

- Để thực hiện chương trình đạt hiệu quả cao, đầu năm học, Gv đưa trẻ vào nề nếp ổn định, rèn thói quen lễ giáo và 1 số kỹ năng sống, làm quen với các sinh hoạt và nội quy hàng ngày. Phối hợp với BGH phân công công việc cho giáo viên phù hợp với năng lực, trình độ sau sáp nhập. Tham mưu thành lập tổ trưởng, tổ phó chuyên môn.

- Hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch chủ đề, tuần phù, ngày hợp đặc điểm tình hình khả năng của trẻ, khuyến khích tạo điều kiện cho Gv phát huy năng lực sáng tạo của mình, tự học, tự rèn các kỹ năng cần thiết cho hoạt động giảng dạy, mạnh dạn đổi mới tổ chức môi trường GD trong hoạt động và ngoại khóa.

- Sưu tầm các bài thơ, câu đố, câu chuyện, hò, vè, ca dao… đưa vào nội dung hoạt động, đặc biệt coi trọng phương pháp lấy trẻ làm trung tâm, giáo dục trẻ theo hướng trải nghiệm, khuyến khích tạo cơ hội để trẻ được thể hiện, được bộc lộ hết khả năng theo yêu cầu đề ra.

- Tăng cường tiếng Việt cho trẻ dân tộc thiểu số thông qua các hoạt động hằng ngày, chú trọng phát triển vốn từ, khả năng nghe, hiểu và giao tiếp, giúp trẻ mạnh dạn, tự tin tham gia các hoạt động.

- Chuyên môn có kế hoạch tham dự họp tổ, dự giờ, thăm lớp, xây dựng các tiết chuyên đề giáo viên dự giờ trao đổi rút kinh nghiệm mang tính hiệu quả.

Theo dõi, việc tổ chức các HĐ Gv ở lớp, có BP tư vấn, điều chỉnh phù hợp

- Tăng cường bồi dưỡng giáo viên 3 khối và cách sử dụng mục tiêu cho phù hợp. Khối Lá áp dụng Bộ chuẩn PT5T theo dõi đánh giá.

- Tăng cường kiểm tra việc bổ sung ĐDĐC tự tạo, trang trí lớp học theo hình di chuyển góc không dán cố định. Tạo môi trường lớp học hạnh phúc. GD cảm xúc, đảm bảo an toàn tuyệt đối, đảm bảo vệ sinh, đảm bảo tính kế hoạch, thẩm mĩ và mang tính giáo dục cao.

- Thường xuyên nhắc nhở giáo viên duy trì tốt mối quan hệ mật thiết với PH, với trẻ được đối xử công bằng truyệt đối không được xâm phạm nhân cách trẻ.

- Phối hợp trong BGH tham mưa đầu tư XD môi trường ngoài trời, để trẻ được HĐ trong MT tự nhiên, chú trọng GD trẻ lòng yêu thiên nhiên và hình thành thói quen bảo vệ môi trường trong trẻ.

- Chuẩn bị tốt tham gia các phong trào do nhà trường và cấp trên tổ chức.

- Khuyến khích giáo viên mạnh dạn thiết kế bài giảng bằng giáo án điện tử.

- Động viên khen thưởng kịp thời những cá nhân, tập thể có sáng tạo trong công tác.

3. Công tác tuyên truyền phối hợp cho cha mẹ trẻ và cộng đồng

- Triển khai ND tuyên truyền về công tác kiểm định chất lượng giáo dục, rà soát các tiêu chí trường đạt chuẩn quốc gia mức độ I, tham mưu đầu tư, bổ sung các điều kiện cần thiết để từng bước nâng cao chất lượng trường đạt chuẩn quốc gia mức độ II.

- Tổ chức cho trẻ lớp Lá làm quen với trường tiểu học, đồng thời tuyên truyền đến PH nội dung GD kỹ năng sống, GD trẻ lòng yêu thiên nhiên, quê hương đất nước, Kỹ năng bảo vệ môi trường, ý thức tiết kiệm trong sinh hoạt. Kỹ năng tự phục vụ…và lồng ghép vào các hoạt động trong ngày và các sự kiện lễ hội trong năm.

** Biện Pháp:*

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền tới cha mẹ trẻ thông qua các cuộc họp phụ huynh trong năm và qua các nhóm zalo của lớp phối kết hợp cùng với nhà trường trong công tác CSGD trẻ được tốt hơn.

- XD góc tuyên truyền nội dung phong phú là góc tương tác tích cực với phụ huynh.

- Vận động Gv thường xuyên truy cập thông tin GDMN, Intenet và từ tạp chí, thông tin của ngành, của địa phương để đa dạng hóa hình thức tuyên truyền.

- Phối hợp trong BGH tham mưa đầu tư và cũng cố về CSVC sau sáp nhập, đổi mới phương pháp GD trẻ, duy trì mối quan hệ mật thiết giữa gia đình và nhà trường.

- Giúp phụ huynh hiểu được ý nghĩa của việc đưa con em ra lớp học.

- Làm tốt công tác TT các thông tin trực tiếp đến các bậc PH, vận động trẻ ra lớp đúng độ tuổi, sự chăm lo của PH và cộng đồng để làm tốt công tác XHHGD.

4. Công tác khác

Tổ chức và thực hiện tốt các hoạt động phòng trào trong năm: Khai giảng năm học, Hội nghị VC,NLĐ; T/C trung thu. Kỷ niệm 20/11, Kỷ niệm ngày TLQĐNDVN 22/12, Ngày QTPN 8/3. Tổ chức cho trẻ tham quan trường Tiểu học. Tập văn nghệ chào mừng các ngày lễ. Tổng kết năm học. Tổ chức và tham gia các phong trào do nhà trường và cấp trên tổ chức

5. Công tác sinh hoạt chuyên môn

Sinh hoạt chuyên môn 2 lần/tháng, sinh hoạt tổ 2 lần/tháng (*chưa kể đột xuất*) Tập trung nghiên cứu những vấn đề trọng tâm, thiết thực từ thực tiễn, nhằm nâng cao hiệu quả CSND và giáo dục trẻ. *(có lịch sinh hoạt chuyên môn kèm theo)*

Quan tâm hỗ trợ GV dạy lớp ghép và GV thực hiện tăng cường TV cho trẻ dân tộc thiểu số, chia sẻ kinh nghiệm, tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện.

6. Công tác chỉ đạo kiểm tra

- Xây dựng kỷ cương nề nếp, phát huy dân chủ trong đơn vị.
- Bám sát điều lệ trường MN để tổ chức thực hiện.
- Kiểm tra các loại hồ sơ sổ sách 3 đợt /năm và đột suất(*Nếu có*)
- Phối hợp trong BGH để thực hiện tốt kế hoạch kiểm tra nội bộ, kiểm tra chuyên đề, kiểm tra công tác BDTX, kiểm tra giờ ăn, ngủ, và các hoạt động khác...
- Thực hiện tốt quy chế kiểm tra CM trường học, KT theo định kỳ 2 lần /năm
- Kiểm tra HĐSPNG 1/3 GV, số Gv còn lại được kiểm tra CM, chuyên đề, và các hoạt động khác.

** Biện pháp*

- Kiểm tra đột xuất, báo trước, không báo trước. Nghiêm túc thực hiện đúng đủ chế độ kiểm tra. Thực hiện nghiêm túc thông tin 2 chiều, tổ chức họp, sinh hoạt đúng thời gian quy định, làm tốt công tác chủ nhiệm lớp.
- Tăng cường dự giờ, kiểm tra, tư vấn đối với lớp ghép và việc thực hiện tăng cường tiếng Việt cho trẻ dân tộc thiểu số.
- Tăng cường công tác bồi dưỡng Gv về CM, tăng cường làm đồ dùng dạy học, đồ chơi cho trẻ, xây dựng môi trường lớp học.
- Tăng cường công tác dự giờ thăm lớp, XD tiết "chuyên đề" tạo điều kiện cho Gv dự giờ học hỏi đồng nghiệp và các trường bạn.
- Hàng tháng, kỳ, tổ chức họp đánh giá, nắm bắt kịp thời các thông tin phản hồi của Gv để cùng thảo luận bàn bạc thực hiện tối ưu, khắc phục hạn chế, tồn tại.

7. Đăng ký danh hiệu thi đua cuối năm

- Tổ LĐTT 2 tổ: Lớp xuất sắc 20%/ tổng số lớp.
- Lao động tiên tiến: > 80%. Chiến sĩ thi đua 10 % trong tổng số LĐTT

IV. KẾ HOẠCH TRỌNG TÂM THÁNG

Thời gian	Nội dung công việc	Ghi chú
Tháng 9/2026	- Thực hiện chương trình GDMN chủ đề Trường MN" bắt đầu từ ngày 7/9/2026. - GD ATGT cho trẻ. - Xây dựng và trình duyệt các loại kế hoạch. - GD trẻ hiểu ý nghĩa ngày tết trung thu. - Kiểm tra công tác trang trí, XD môi trường lớp học đầu năm. - Rà soát khả năng tiếng Việt của trẻ DT thiểu số, để có biện pháp hỗ trợ phù hợp. - Rà soát – điều tra phổ cập 0 – 5 tuổi, xoá mù chữ - Triển khai SKKN cấp trường. - Sinh hoạt chuyên môn và xếp loại gv tháng 9	
Tháng 10/2026	* Phát động thi đua chào mừng ngày LHPNVN 20/10 phát động thi đua làm đồ dùng, đồ chơi tự tạo. - Khảo sát tay nghề đầu năm.	

	- GV 02 lớp ghép chú trọng thực hiện mục tiêu giáo dục phù hợp với từng độ tuổi. - Tiếp tục thực hiện CTGDMN chủ đề Bản thân - Nhập cơ sở dữ liệu ngành – Tiếp tục nhập phổ cập - Kiểm tra hồ sơ sổ sách đợt 1. - Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn - XD kế hoạch hội giảng chuyên đề LTLTT - Lập kế hoạch đăng ký học BDTX, CBQL, GV học trên phần mền edu.vn *(temits)* - Sinh hoạt chuyên môn và xếp loại gv tháng 10	
Tháng 11/2026	* Phát động ngày hội VH, VN, trò chơi dân gian chào mừng Ngày nhà giáo Việt Nam 20/11. - Tiếp tục thực hiện CTGDMN chủ đề Gia đình. - Thực hiện 3 chuyên đề vận dụng giáo dục phương pháp Stem, Stam, KN XH "Cô làm chủ cảm xúc" - LVPTNT: (*lồng ghép stem, Steam)* - LVPTTM: (*lồng ghép stem, Steam)* - Tham gia kỷ niệm 44 năm ngày NGVN 20/11 do phường tổ chức. - Sinh hoạt chuyên môn và xếp loại gv tháng 11	
Tháng 12/2026	- Tiếp tục thực hiện CTGDMN chủ đề Nghề nghiệp - Tổ chức chức HĐ trãi nghiệm chào mừng 22/12 - Kiểm tra hoạt động sự phạm nhà giáo - Tiếp tục học BDTX mô đun đã chọn. - Kiểm tra, đánh giá, XL hồ sơ giáo viên, tổ khối (đợt 2) - Sinh hoạt chuyên môn và xếp loại gv tháng 12	
Tháng 01/2027	- Tiếp tục thực hiện CTGDMN chủ đề Động vật - Thăm lớp dự giờ, công tác XD trang trí MT lớp - Kiểm tra hoạt động tổ khối, kiểm tra Chuyên đề - Tổ chức hoạt động trãi nghiệm "Hội xuân" 2027. - Sinh hoạt chuyên môn và xếp loại gv tháng 1	
Tháng 02/2027	* Phát động thi đua mừng Đảng mừng xuân, tết Nguyên Đán. - Tiếp tục thực hiện CTGDMN chủ đề Thực vật - Ổn định lớp củng cố nề nếp học tập trước và sau tết - Tiếp tục học tập BDTX. - Sinh hoạt chuyên môn và xếp loại gv tháng 2	
Tháng 3/2027	* Phát động phong trào thi đua chào mừng ngày 8/3; 26/3. - Tiếp tục thực hiện CTGDMN chủ đề Giao thông - Thao giảng đợt II. - Tiếp tục hỗ trợ chuyên môn đối với 02 lớp ghép và tăng cường tiếng Việt cho trẻ dân tộc thiểu số. - Kiểm tra, đánh giá, xếp loại hồ sơ GV, TK (đợt 3) - Sinh hoạt chuyên môn và xếp loại gv tháng 3	
Tháng	* Phát động thi đua chào mừng ngày 30/4 và 1/5	

4/2027	- Tiếp tục thực hiện CTGDMN chủ đề Nước và HTTN và chủ đề QH-ĐN-BH - Kiểm tra hoạt động của tổ chuyên môn - Tổ chức sân chơi Rung chuông vàng trẻ Mầm, chồi, lá. - Kiểm tra, dự giờ đột xuất 1 số lớp. - Tổng hợp báo cáo kết quả BDTX, lập tờ trình đề nghị cấp giấy CN năm học 2026 – 2027. - Kiểm tra kết quả mong đợi trẻ 4 độ tuổi. - Đánh giá, rút kinh nghiệm việc thực hiện tăng cường TVcho trẻ dân tộc thiểu số và tổ chức 02 lớp ghép. - Phối hợp đón đoàn phúc tra thi đua cuối năm*(nếu có)* - Sinh hoạt chuyên môn và xếp loại gv tháng 4	
Tháng 5/2027	* Phát động thi đua mừng ngày sinh nhật Bác 19/5 - Tiếp tục thực hiện CTGDMN chủ đề 9,10. - Hoàn thiện nhập phần mềm tự đánh giá. - Tổ chức trẻ khối Lá tham quan trường tiểu học. - Sinh hoạt CM và xếp loại gv tháng 5 và năm học 2026 - 2027. - Các lớp tập luyện văn nghệ chuẩn bị cho Tổng kết và lễ ra trường cho trẻ. - Tổng kết năm học 2026 - 2027. - Hoàn thành các loại báo cáo	

V. DỰ KIẾN MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC TỪNG ĐỘ TUỔI

1. Mục tiêu, nội dung giáo dục trẻ mẫu giáo

1.1. Trẻ 5 - 6 tuổi

TT MT	MỤC TIÊU GIÁO DỤC	NỘI DUNG GIÁO DỤC
Lĩnh vực phát triển thể chất		
1	Thực hiện thuần thục các động tác trong bài tập thể dục theo hiệu lệnh, hoặc theo nhịp bản nhạc, bài hát.	* Phối hợp thực hiện thành thạo các động tác. - Tay: Đưa 2 tay lên cao, ra trước sang 2 bên(kết hợp vẫy bàn tay, cổ tay, kiễng chân…) + Co và duỗi từng tay kết hợp kiễng chân … - Lưng, bụng, lườn: Ngửa người ra sau kết hợp giơ tay lên cao, chân bước sang phải, trái. + Quay sang trái sang phải, kết hợp tay chống hông hoặc 2 tay giang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người sang 2 bên kết hợp tay chống hông, hoặc 2 tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. - Chân: Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía trước. + Nhảy lên đưa 2 chân sang ngang, nhảy lên đưa 1 chân về phái trước, 1 chân về sau.

		+ Nâng cao chân gập gối + Bật về các phía.
2	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi. (CS:1)	* Định hướng được không gian khi thực hiện các kiểu đi. - Đi trên ghế thể dục tay chống hông, tay dang ngang. - Đi lên xuống trên ván dốc (dài 2 m; rộng 3m) - Đi trên ghế đầu đội túi cát. - Đi trên ghế thể dục bước qua chướng ngại vật. - Đi dồn trước, dồn ngang, đi nối gót, đi lùi, đi khụy gối, đi theo hướng dích dắc …
3	Kiểm soát được vận động đi.	* Giữ được tốc độ khi thực hiện các kiểu đi/chạy. - Đi/ chạy 18m trong khoảng 10 giây. - Đi /chạy thay đổi tốc độ, hướng dích dắc theo hiệu lệnh.
4	Kiểm soát được vận động chạy.	- Chạy chậm khoảng 100 – 120 m… - Chạy thay đổi tốc độ theo yêu cầu của cô. - Chạy theo đường dích dắc. - Chạy nhanh liên tục…
5	Phối hợp tay mắt trong vận động	* Định hướng được không gian phối hợp tay, mắt thực hiện tung, ném và bắt chính xác. - Ném và bắt bóng với bạn từ khoảng cách xa 4m. - Đi, đập và bắt được bóng nảy 4 – 5 lần liên tiếp - Tung bóng lên cao và bắt bóng - Tung – đập bắt bóng tại chỗ - Bắt và ném bóng với bạn. - Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. - Ném trúng đích đứng (xa 2m cao 1,5m) bằng 1 tay 2 tay - Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân
6	Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập bò.	* Phối hợp nhịp nhàng nhân nọ tay kia thực hiện các bài tập bò, trườn, trèo khéo léo. - Bò bằng bàn tay, bàn chân 4 -5 m. - Bò dích dắc qua 7 điểm. - Bò chui qua cổng, qua ống dài hoặc qua đường dích dắc ...
7	Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập trườn, trèo.	- Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm - Trèo lên xuống 7 gióng thang. - Trèo lên xuống thang theo yêu cầu của cô…
8	Thực hiện được các vận động bật, nhảy	* Dùng sức mạnh toàn thân thực hiện các bài tập bật, nhảy khéo léo. - Bật liên tục vào vòng.

		- Bật xa 40-50cm chọn đồ dùng trường Mầm Non - Bật tách chân khép chân qua 7 ô. - Bật qua vật cản cao 15 – 20 cm. - Nhảy lò cò 5 m - Nhảy xuống hố cát - Bật - nhảy từ trên cao xuống 40-45 cm.
9	Thực hiện được các vận động	* Phối hợp được các cử động uốn ngón tay, bàn tay; xoa cổ tay. - Gập, mở lần lượt từng ngón tay. - Bẻ, nắn - Lắp ráp…
10	Phối hợp được cử động của bàn tay ngón tay, phối hợp tay – mắt trong 1 số hoạt động(CS:8)	* Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt thực hiện 1 số hoạt động - Xé, cắt đường vòng cung - Tô đồ theo nét + Vẽ hình và sao chép các chữ cái, chữ số + Cắt được theo đường viền của hình vẽ + Xếp chồng từ 12 - 15 khối theo mẫu + Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu + Tự cài cởi cúc, xâu dây giày. Cài quay dép, kéo khóa.
11	Lựa chọn được 1 số thực phẩm khi được gọi tên nhóm. Nói tên được 1 số món ăn và dạng chế biến đơn giản (CS:10)	* Nhận biết, phân biệt 1 số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm - Thực phẩm giàu chất đạm; chất bột đường; chất béo; vi tamin và muối khoáng - Làm quen với 1 số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống - Biết rau có thể luộc, nấu canh, thịt có thể luộc, rán, kho… - Gạo nấu cơm, nấu cháo…
12	Nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản.	Nhận biết được ten gọi một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản: Rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo…
13	Biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín uống nước đun sôi, để khỏe mạnh; Uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe (CS:11).	* Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và chất phù hợp với sức khỏe. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống và bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì)
14	Thực hiện được 1 số việc đơn giản (CS:9).	* Tập kỹ năng; đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. - Tự thay quần áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi

		quy định - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, biết đi xong giội / giật nước cho sạch…
15	Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo	- Biết sử dụng bát, thìa, xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, không làm đổ, ngồi ăn khéo léo…
16	Có 1 số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống	* Trong ăn uống trẻ biết mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. - Không đùa nghịch không làm đổ vãi thức ăn - Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau - Không uống nước lã ăn quả vặt ngoài đường - Biết giữ đầu tóc luôn sạch sẽ, gọn gàng, trong ăn uống.
17	Có 1 số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh (CS:12)	* Trẻ biết 1 số hàng vi và thói quen như - Biết đi vệ sing đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách - Luôn giữ cho quần áo tươm tất không bôi bẩn lên quần áo. - Biết vệ sinh răng miệng sau khi ăn hoặc trước khi ngủ, sáng ngủ dậy - Ra nắng đội mũ, đi tất mặc áo ấm khi trời lạnh - Nói với người lớn khi bị đau hoặc sốt… - Biết lấy tay che miệng khi hắt hơi, khi ho - Bỏ rác đúng nơi quy định, không nhổ bậy ra lớp.
18	Biết bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng… là những vật dụng nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần, không nghịch các vật sắc, nhọn (CS:13).	* Trẻ biết để phòng tránh một số trường hợp và các vật như - Không đến gần bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng, không chọc ngoáy ổ điện, phích cắm - Không chơi những đồ vật có sắc cạnh gây nguy hiểm. - Nhận biết được những hành động gây nguy hiểm. Dao, kéo, …
19	Biết những nơi như: Hồ, ao, bể, chứa nước, giếng, bụi rậm… là nguy hiểm và nói được mối nguy hiểm khi đến gần (CS:14)	* Trẻ biết và không chơi ở những nơi như sông , suối, ao, hồ, giếng nước, bụi rậm... - Biết được khi đến gần những địa điểm đó nguy hiểm đến tính mạng
20	Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh	* Trẻ biết cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt, dễ bị hóc sặc…. - Không tự ý uống thuốc - Biết ăn thức ăn có mùi hôi, ăn lá quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rựu, bia, cà phê thuốc lá không tốt cho sức khỏe.

21	Nhận biết được 1 số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ (CS:15)	* Trẻ biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp, cháy, có bạn, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu… - Biết tránh ở những nơi không an toàn. - Không nhận quà người lạ, bế ẳm, rủ đi chơi - Không ra khỏi nhà, khỏi trường lớp khi không được phép của cô, của người lớn - Biết được địa chỉ nơi ở, sđt gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ
22	Thực hiện 1 số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn	* Trẻ biết một số quy đinh như. Sau giờ học ba mẹ đưa về nhà không tự ý đi chơi khi không xin phép. - Biết đi bộ trên vỉa hè, đi sang đường phải có người lớn dắt, đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy - Không leo trèo cây, ban công tường rào.
Lĩnh vực phát triển nhận thức		
23	Tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng " tại sao có mưa" (CS:64)	* Tìm tòi khám phá các sự vật hiện tượng xung quanh, hay đặt câu hỏi - Phối hợp các giác quan để quan sát, nhận xét và thảo luận các sự vật hiện tượng… - Chú ý ghi nhớ và quan sát các sự kiện sảy ra trong ngày để thảo luận và phán đoán
24	Phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả, … và thảo luận về đặc điểm của đối tượng được quan sát	- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. - Đặc điểm tác hại, ích lợi của những loại cây, hoa, quả, con vật mà trẻ biết. - Phân loại cây, hoa, quả , con vật theo 2 – 3 dấu hiệu. - Quan sát phán đoán mối liên hệ đơn giãn, giữa con vật cây với môi trường sống. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây… - Quá trình phát triển của cây, con vật, điều kiện sống của 1 số loại cây, con vật… + 1 vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi, không khí các nguồn ánh sáng và sự cần thiết đối với cuộc sống con người, con vật và cây - Các ngồn nước trong môi trường sống. - Ích lợi của nguồn nước, nguyên nhân và tác hại của nguồn nước gây ô nhiễm, cách bảo vệ
25	Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giãn để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận	* Làm thí nghiệm và sử dụng cụ đơn giản để quan sát. VD: thử nghiệm gieo hạt, trồng cây được tưới nước và không tưới nước, theo dõi và so sánh sự phát triển - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết

		của nước với cuộc sống con người, con vật và cây. Ví dụ: Pha màu/ đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.
26	Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách, tranh, ảnh, băng hình…	- Tập trung quan sát nhận xét được nội dung tranh ảnh, băng hình, trò chuyện… - Các hiện tượng tự nhiên. - Quan sát và đoán được các hiện tượng sắp xảy ra " Chuồn chuồn bay cao thấp" "Con mối bay nhiều"…
27	Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau (CS:51)	* Nói được đặc điểm, công cụ, chất liệu và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - Nhận ra đặc điểm giống và khác nhau về công dụng, chất liệu của 3 – 4 đồ dùng và sự đa dạng của chúng. - Phân loại đồ dùng đồ chơi theo 2 – 3 dấu hiệu. - Đặc điểm, công dụng của 1 số phương tiện giao thông và phân loại 2 – 3 dấu hiệu
28	Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng. VD "nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi"	* Nhận xét được mối quan hệ các sự vật hiện tượng xung quanh - Mối quan hệ của mọi người trong gia đình và xã hội. - Tình cảm quê hương đất nước. - Tình cảm của Bác Hồ đối với mọi người.
29	Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau	* Q sát các hoạt động trong vui chơi, học tập, trong sinh hoạt … giải quyết vấn đề đơn giản bằng nhiều cách khác nhau đạt hiệu quả …
30	Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát	* So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng… + So sánh sự khác nhau và giống nhau của 1 số con vật, cây, hoa, quả…
31	Thể hiện sự hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi âm nhạc và tạo hình	* Trẻ biết vận dụng những hiểu biết đã học để trải nghiệm, mô tả qua các hoạt động âm nhạc, tạo hình…
32	Quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm, hỏi: "Bao nhiêu ?" "Đây là mấy" …	* Vui thích khi được đếm các con số mà trẻ được nhìn, được thấy xung quanh thích nói về số lượng, và đếm, hay hỏi đây là số mấy ?...
33	Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng	- Đếm và nói đúng số lượng trong phạm vi 10. Và đếm theo khả năng. - Đọc được các chữ số từ 1- 10 - Chọn chữ số tương ứng với số lượng đã đếm…
34	So sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong	* So sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 nói được bằng nhau, nhiều nhất, ít

	phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả (CS:43)	hơn, ít nhất…
35	Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm. Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau (CS:42).	- Gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm - Tách các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau. - Nói được nhóm nào nhiều hơn, nhóm nào ít hơn và chọn số tương ứng cho mỗi nhóm…
36	Nhận biết các số từ 5 – 10 và sử dụng các số để chỉ số lượng, số thứ tự	* Nhận biết các số từ 5 – 10 và sử dụng các số để chỉ số lượng, số thứ tự
37	Nhận biết các con số được sử dụng trong suộc sống hàng ngày	* Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày(số nhà, biển số xe…)
38	Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu	- Thực hiện một số công việc đơn giản đúng qui tắc đúng trình tự nhất định theo yêu cầu, ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan.
39	Nhận ra quy tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại	- Nhận ra qui tắc sắp xếp lặp lại, của một dãy số, dãy hình, dãy trang lô tô…. Và sao chép lại
40	Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp	* Quan sát So sánh phát hiện qui tắc sắp xếp và sáng tạo ra mẫu quy tắc sắp xếp.
41	Sử dụng được 1 số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả	* Đo được độ dài một vật bằng các đợn vị đo khác nhau… - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo - Đo được thể tích dung tích của các vật so sánh và diễn đạt kết quả đo.
42	Gọi tên và chỉ ra các điểm giống và khác nhau giữa 2 khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật	* Nhận biết và gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chứ nhật, khối trụ và nhận dạng khối đó trong thực tế. - Phân biệt sự khác nhau giữa các khối. - Chắp ghép các hình khối tạo thành khối mới theo ý thích và theo yêu cầu - Tạo ra 1 số hình học bằng các cách khác nhau
43	Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn (CS:47)	* Xác định vị trí đồ vật so (Phía trước, phía sau, phía trên, phía dưới, phía phải, phía trái) so với bản thân trẻ, so với bạn khác và so với một vật nào đó làm chuẩn.
44	Gọi đúng tên các thứ tự trong tuần	Trẻ biết gọi đúng tên các ngày trong tuần theo thứ tự: Thứ hai, Thứ ba, Thứ tư, Thứ năm, Thứ sáu, Thứ bảy, Chủ nhật. Trẻ bước đầu ghi nhớ trình tự từ ngày đầu tuần đến cuối tuần. Trẻ biết liên hệ hoạt động hằng ngày với các

		ngày trong tuần (ví dụ: Thứ hai đi học, Chủ nhật được nghỉ ở nhà…). Trẻ phát triển kỹ năng ghi nhớ có chủ định và sự hứng thú khi học qua bài hát, trò chơi về các ngày trong tuần.
45	Phân biệt các mùa trong năm.	Trẻ biết gọi tên 4 mùa: Xuân – Hạ – Thu – Đông. Trẻ phân biệt đặc điểm nổi bật của từng mùa: Mùa Xuân: trời ấm áp, cây cối đâm chồi nảy lộc, có nhiều hoa. Mùa Hạ: trời nắng nóng, nhiều loại quả chín, hay đi tắm biển. Mùa Thu: trời mát mẻ, lá vàng rơi, có Tết Trung Thu. Mùa Đông: trời lạnh, phải mặc áo ấm. Trẻ bước đầu biết liên hệ trang phục, hoạt động và hiện tượng thiên nhiên theo từng mùa. Trẻ phát triển kỹ năng qs, so sánh và ghi nhớ có chủ định thông qua tranh ảnh, bài hát, trò chơi.
46	So sánh và phân loại các khối hình theo đặc điểm lăn được không lăn được, xếp chồng được không xếp chồng được	Trẻ so sánh và phân loại khối hình theo 2 tiêu chí khác nhau: 1. Lăn được – không lăn được. 2. Xếp chồng được – không xếp chồng được. Trẻ bước đầu liên hệ ứng dụng thực tế: bánh xe hình trụ/cầu để lăn, viên gạch hình hộp chữ nhật để xây nhà…
47	Nói đúng họ tên, ngày sinh, giới tính, của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	* Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích khả năng của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình
48	Nói tên, tuổi, giới tính công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình	* Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình, gia đình nhỏ, gia đình lớn. - Nhu cầu của gia đình
49	Nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/ thôn, xóm) số điện thoại nếu có… khi được hỏi, trò chuyện	* Nói được tên, địa chỉ gia đình (số nhà, đường phố/thôn, xóm)… số điện thoại
50	Nói tên địa chỉ và mô tả 1 số đặc điểm của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện	* Nói được tên trường, lớp, địa chỉ trường trẻ đang học. - Những đặc điểm, sở thích của các bạn, các hoạt động của trường, lớp …

51	Nói tên công việc của cô giáo và các cô bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện	- Nói được tên và công việc của BGH, các cô giáo, cô nhân viên, bác bảo vệ trong trường… + ý nghĩa công việc của các cô, bác làm ở trường.
52	Nói đặc điểm và sự khác nhau của 1 số nghề	* Tên gọi 1 số nghề, công cụ sản phẩm các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống ở địa phương.
53	Kể tên 1 số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội	* Kể tên nêu đặc điểm nổi bật của một số ngày lễ, hội, sự kiện văn hóa của thôn xóm, quê hương đất nước… - Ý nghĩa của các ngày lễ, hội ngày quốc khánh 2/9; tết thiếu nhi; trung thu…
54	Kể tên và nêu 1 vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích danh lam thắng cảnh. - Các địa điểm gần gũi nơi trẻ đang sống… - Yêu quí và giữ gìn di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, truyền thống, văn hóa của quê hương, đất nước. - Tôn trọng sự khác biệt về VH của các dân tộc.
Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ giao tiếp		
55	Thực hiện được các yêu cầu trong sinh hoạt tập thể	* Hiểu và làm theo 2 – 3 yêu cầu liên tiếp - Lắng nghe và hiểu được lời nói chỉ dẫn của người khác. - Biết trả lời bằng lời nói và hành động phù hợp. - Thực hiện theo lời chỉ dẫn các hành động có liên quan trực tiếp. VD Các bạn có tên bắt đầu bằng chữ S đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái H đứng sang bên trái
56	Hiểu nghĩa một số từ khái quát	* Hiểu nghĩa các từ khái quát, từ trái nghĩa - Trong sinh hoạt hàng ngày hay khi trò chuyện , xem trang, hình ảnh trẻ có thể hiểu nghĩa một số từ khát quát: PTGT, ĐV, TV, đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập …“Vì sao” “ có gì giống và khác nhau”… chỉ sự vật , hiện tượng đơn giản, gần gũi…
57	Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại (CS:31)	* Lắng nghe người khác nói. - Thể hiện biểu cảm qua cử chỉ, nét mặt… - Thể hiện quan tâm thông tin được nói ra: Như nhìn vào mắt người nói và đáp lại bằng cử chỉ nét mặt điệu bộ. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn câu mở rộng, câu phức trong học tập và trong giao tiếp…
58	Kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể	- Miêu tả hay kể mạch lạc, rõ ràng theo trình tự logich nhất định về một sự việc, hiện tượng mà trẻ biết hoặc nhìn thấy

	hiểu được	- Chú ý đến thái độ người nghe để kể chậm, có thể nhắc lại lời kể của mình khi người nghe chưa hiểu
59	Sử dụng các từ chỉ sự vật hoạt động, đặc điểm…. phù hợp với ngữ cảnh	- Qua giao tiếp hàng ngày xem trẻ có sử dụng được danh từ, động từ, tính từ, và biểu cảm trong câu nói của mình khi giao tiếp. - Sử dụng từ ngữ chính xác trong khi nói, gọi tên các đồ dùng , đồ vật xung quanh… - Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.
60	Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép ...khi gia giao tiếp với bạn, với cô bằng các câu khác nhau trong sinh hoạt...
61	Miêu tả sự việc với 1 số thông tin về hành động tính cách trạng thái…. của nhân vật	- Miêu tả lại được sự việc có nhiều tình tiết - Kể lại truyện đã nghe, đã nhìn thấy… - Miêu tả thể hiện cảm xúc qua , cử chỉ, nét mặt, hành động tích cách của các nhân vật - Trao đổi bằng lời nói để thống nhất đề xuất trong cuộc chơi với bạn. - Hướng dẫn bạn đang giải quyết một vấn đề nào đó. - Kể rõ ràng những điều muốn nói để người khác hiểu được. - Sử dụng lời nói rõ ràng, dễ dàng, thoải mái, nói với âm lượng vừa đủ trong giao tiếp.
62	Đọc biểu cảm bài thơ đồng dao ca dao…	- Nghe đọc biểu cảm các bào thơ, ca dao đồng dao…hiểu được nội dung chính của bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò vè…
63	Kể có thể thay đổi 1 vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện… trong nội dung truyện	- Nghe kể biểu cảm các câu chuyện hiểu được nội dung chính của câu chuyện và biết tên và hành động nhân vật, tình huống trong câu chuyện… - Kể lại được nội dung câu chuyện, có thể kể sáng tạo phù hợp với nội dung theo nhiều cách khác nhau, kể theo trí nhớ, kể qua tranh ảnh, mô hình …. - Mở đầu, tiếp tục, kết thúc câu truyện theo các cách khác nhau nhưng không mất đi ý nghĩa của câu truyện…
64	Đóng được vai của nhân vật trong truyện	- Đóng được vai của các nhân vật trong truyện kể, truyện ngắn … - Thể hiện được hành động, ngôn ngữ phù hợp với các hoạt cảnh nhân vật… - Có thể sáng tạo cho nhân vật thêm phần hấp dẫn câu chuyện…

65	Sử dụng các từ " cảm ơn" "xin lỗi phù hợp với tình huống	- Trẻ biết nói "cảm ơn" khi được giúp đỡ, nhận quà hoặc nhận sự chia sẻ từ người khác. - Trẻ biết nói "xin lỗi" khi làm ảnh hưởng, gây phiền hoặc mắc lỗi với người khác. - Trẻ hiểu được ý nghĩa của việc sử dụng các từ "cảm ơn", "xin lỗi" trong giao tiếp. - Trẻ bước đầu hình thành thói quen lễ phép, tôn trọng và thân thiện trong ứng xử hằng ngày.
66	Sử dụng các từ "thưa", "dạ", "vâng", phù hợp với tình huống	- Trẻ biết nói "thưa" khi chào hỏi, gọi người lớn. - Trẻ biết nói "dạ" khi trả lời lễ phép với cô giáo, ông bà, cha mẹ. - Trẻ biết nói "vâng" khi đồng ý hoặc nhận lời yêu cầu từ người lớn. - Trẻ hiểu được ý nghĩa của việc sử dụng từ lễ phép trong giao tiếp. - Trẻ bước đầu hình thành thói quen ứng xử lễ độ, kính trọng và ngoan ngoãn trong đời sống hằng ngày.
67	Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh	- Điều chỉnh được giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp: Nói nhỏ trong giờ ngủ ở lớp, khi người khác đang tập trung làm việc, khi thăm người ốm; nói thầm với bạn, bố mẹ. Nói nhanh hơn khi chơi trò chơi thi đua, nói chậm lại khi người khác có vẻ chưa hiểu điều mình muốn truyền đạt.
68	Chọn sách để đọc và xem (CS:36)	- Trẻ thích thú khi được chọn sách, truyện để xem và nghe đọc các loại sách khác nhau, biết giữ gìn sách khi sử dụng - Linh hoạt sáng tạo khi đọc sách, chuyện tranh. - Có thể sáng tạo ra những tình tiết hay cho câu chuyện…
69	Kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân (CS:35)	- Hiểu được ý nghĩa của nội dung qua hình ảnh, mô hình, biểu bảng, …. - Chỉ vào chữ dưới tranh minh họa, dưới trang lô tô và đọc thành tiếng theo trí nhớ để thành một câu chuyện với nội dung theo tranh minh họa. - Trẻ nhìn vào tranh vẽ trong sách, trẻ có thể nói được nội dung và tranh minh họa. - Xếp được các bức tranh theo đúng trình tự và kể được nội dung chính của câu truyện, theo kinh nghiệm của trẻ… - Đặt tên cho câu truyện nhưng không mất đi ý nghĩa câu truyện.

70	Biết cách "đọc sách" từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách	- Biết cách đọc sách từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới, từ đầu sách đến cuối sách. - Nói được nội dung của đoạn tranh, sách đã xem và đọc… - Giở cẩn thận từng trang khi đọc, xem, không quăng, vẽ bậy, xé, làm nhàu sách. - Để sách đúng nơi quy định sau khi sử dụng.
71	Nhận ra ký hiệu thông thường; nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra vào, cấm lửa, biển báo giao thông… (CS:37)	* Nhận ra một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống. "Nhà vệ sinh – Cấm lửa – - Biển báo giao thông cho người đi bộ… - Biết ký hiệu đồ dùng cá nhân. Cặp, dép, tủ…
72	Nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt (CS:38)	* Phát âm đúng theo âm phụ âm đầu, âm cuối. - Nhận dạng được chữ cái in thường, viết thường, và viết hoa… - Phát âm đúng chữa cái tiếng việt. A,b,c… - Tìm chữ cái đã học trong và ngoài môi trường lớp học và đọc… - Tìm và ghép các chữ cái qua lắp ghép,… - Phát âm rõ ràng những điều muốn nói để người khác hiểu được.
73	Trẻ tô đồ các nét chữ in mờ	Trẻ nhận biết được các nét cơ bản trong chữ cái (nét thẳng, nét cong, nét móc, nét xiên…). Trẻ thực hiện tô theo đường nét chữ in mờ đúng hướng, đúng chiều, không chệch ra ngoài. Trẻ rèn sự khéo léo của bàn tay, các ngón tay, phát triển kỹ năng cầm bút đúng cách. Trẻ hình thành thói quen ngồi đúng tư thế khi viết, giữ gìn vở sạch – chữ đẹp.
74	Sao chép một số ký hiệu đơn giản (CS:40).	- Trẻ nhận biết và gọi tên được một số ký hiệu quen thuộc (ví dụ: hình tròn, hình vuông, dấu cộng, dấu trừ, mũi tên, mặt cười…). - Trẻ sao chép lại các ký hiệu đơn giản theo mẫu đã cho. - Trẻ rèn kỹ năng cầm bút đúng, phối hợp mắt – tay linh hoạt. - Trẻ bước đầu hình thành sự tập trung, kiên nhẫn và khả năng ghi nhớ hình ảnh.
75	Sao chép chữ cái, tên của mình (CS:41).	* Trẻ nhận biết và gọi được các chữ cái trong tên của mình. - Trẻ sao chép lại đúng các chữ cái tên của mình theo mẫu. - Trẻ rèn kỹ năng cầm bút, ngồi đúng tư thế, tô – viết trong dòng kẻ.

		- Trẻ hình thành sự tự tin, hứng thú khi viết tên mình, biết trân trọng và yêu quý tên gọi của bản thân.
Lĩnh vực phát triển tình cảm và kỹ năng xã hội		
76	Nói được họ tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc số điện thoại	* Nói được một số thông tin cá nhân như: Họ tên, tuổi, giới tính, sở thích, khả năng của bản thân - Nói địa chỉ nơi ở như: Số nhà, tên tổ dân phố, làng xóm, số điện thoại gia đình hoặc số điện thoại bố mẹ...
77	Nói được điều bé thích, không thích, những việc bé làm được và việc gì bé không làm được (CS:16)	* Thích được nói lên những chia sẻ những cảm nhận, những điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được, và không làm được. - Trẻ nói được những việc mình đã làm được phù hợp với khả năng thực tế của bản thân. - Chủ động, tự tin bày tỏ ý kiến
78	Nói được điểm giống nhau giữa mình và bạn	* Giống nhau về hình dáng (ví dụ: cùng cao, cùng có tóc đen…). - Giống nhau về giới tính (ví dụ: cùng là nam/nữ). - Giống nhau về sở thích (ví dụ: cùng thích vẽ, cùng thích chơi xếp hình…). - Giống nhau về khả năng (ví dụ: cùng biết hát, cùng biết nhảy…).
79	Nói được điểm khác nhau giữa mình và bạn (CS:18)	* Khác nhau về hình dáng (ví dụ: bạn cao hơn mình, mình tóc ngắn còn bạn tóc dài…). - Khác nhau về giới tính (mình là nữ, bạn là nam…). - Khác nhau về sở thích (mình thích múa, bạn thích đá bóng…). - Khác nhau về khả năng (mình biết tô màu đẹp, bạn biết hát hay…).
80	Biết mình là con cháu, anh chị em trong gia đình	- Trẻ biết vai trò của bản thân trong gia đình - Yêu mến quan tâm đến người thân trong gia đình… - Nhận biết được khả năng của bạn và người gần gũi
81	Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức	- Biết lễ phép, yêu thương giúp đỡ mọi người trong gia đình. - Nói được vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học…
82	Tự làm 1 số việc đơn giản hàng ngày(vệ sinh trực nhật, chơi)	- Trẻ biết một số công việc hằng ngày trên lớp. - Biết quét lớp, lau bàn ghế, cất ghế sau khi sử dụng, xếp dọn đồ dùng, đồ chơi… - Tự giác thực hiện các công việc mà không có

		sự nhắc nhở hay hỗ trợ của người lớn, của cô… - Tích cực tham gia cùng các bạn… - Chủ động và độc lập trong 1 số hoạt động
83	Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao	* Chủ động bắt tay vào công việc của bạn. - Phối hợp với bạn để thực hiện công việc và hoàn thành công việc được giao. - Không cãi nhau khi thực hiện công việc. - Thích thú khi khoe sản phẩm của mình với mọi người. Giữ gìn sản phẩm cẩn thận. - Thích nhìn và quý trọng sản phẩm của mình đã hoàn thành
84	Nhận biết được 1 số trạng thái cảm xúc, vui, buồn, sợ hãi, tức giận ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh, qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác	* Nhận biết 1 số trạng thái cảm xúc vui buồn ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói tranh ảnh. Âm nhạc…. - Bày tỏ tình cảm phù hợp qua nét mặt giọng nói cử chỉ điệu bộ của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau. - Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác - Nhận xét và tỏa thái độ hành vi "đúng" "sai" " tốt" "xấu"…
85	Biết biểu lộ cảm xúc vui buồn, sợ hãi, tức giận ngạc nhiên, xấu hổ (CS:19)	* Nói và thể hiện cử chỉ điệu bộ nét mặt phù hợp với yêu cầu hoàn cảnh giao tiếp. - Biết được lúc buồn thì như thế nào? Lúc vui thi như thế nào. - Kiềm chế được những hành vi tiêu cực, không đánh xô đẩy bạn cào cấu bạn. - Biết sử dụng lời nói để diễn tả cảm xúc khi giao tiếp với người khác.
86	Biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè (CS:20)	* Nhận ra tầm quan trọng của người khác và biết chia sẻ phù hợp với họ. - An ủi người thân hay bạn bè khi buồn. - Chúc mừng ca ngợi cổ vũ người thân, bạn bè khi họ có niềm vui. - Quan tâm chia sẻ giúp đỡ bạn…
87	Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và 1 số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (Chỗ ở, nơi làm việc…)	* Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ. Và biết một số địa điểm nơi Bác Hồ hoạt động, chổ ở và làm việc… - Yêu mến và kính yêu Bác Hồ…
88	Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ, qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ	* Hiểu được những nội dung qua các bài thơ, bài hát, câu chuyện ca ngợi và tôn vinh về Bác Hồ
89	Biết 1 vài cảnh đẹp di tích lịch sử, lễ hội và 1	* Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương đất nước

	vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn…) của quên hương, đất nước	- Tôn trọng sự khác biệt về văn hóa của các dân tộc. Trang phục, món ăn, phong tục tập quán …
90	Thực hiện được 1 số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng	* Thực hiện 1 số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để dép đồ dùng cá nhân vào đúng nơi, đồ dùng đồ chơi để đúng chỗ, trật tự khi ăn, khi ngủ, đi bên phải lề đường. … - Thực hiện các qui định trong hoạt động của nhóm lớp….
91	Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi, lễ phép (CS:28)	- Biết và thực hiện các quy tắc trong sinh hoạt hàng ngày. - Chào hỏi và xưng hô lễ phép với người lớn, nói lời cảm ơn khi được giúp đỡ, biết xin lỗi khi có lỗi, biết cảm ơn khi có quà…
92	Chú ý nghe khi cô, bạn nói không ngắt lời người khác.	- Các hành vi, cử chỉ lịch sự, tôn trọng người nói khi giao tiếp với bạn bè và người lớn, chú ý, nhìn vào mắt người nói, lắng nghe người nói. - Đặt câu hỏi đúng lúc, không cắt ngang khi người khác đang nói.
93	Biết chờ đến lượt	- Chờ đến lượt mình theo thứ tự, không tranh giành đồ chơi với bạn… - Giơ tay khi muốn nói và chờ đến lượt. - Biết nhắc nhở bạn chờ đến lượt, nhắc các bạn xếp hàng, đề nghị các bạn không được tranh lượt…
94	Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn (CS:21)	- Trẻ trao đổi chia sẻ ý kiến của mình để thỏa thuận với các bạn. - Lắng nghe ý kiến người khác thể hiện lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự. - Trao đổi hướng dẫn bạn trong hoạt động cùng nhóm chơi. - Vui vẻ chia sẻ đồ chơi với bạn. - Nhanh chóng nhập cuộc với bạn chơi. - Được mọi người trong nhóm tiếp nhận và chơi vui vẻ thoải mái trong nhóm chơi. - Hợp tác trong quá trình hoạt động, các ý kiến không áp đặt bạn phải thực hiện theo ý của mình… - Tôn trọng, hợp tác và chấp nhận - Biết giá đúng sai của bạn trong nhóm chơi. Và đưa ra cách giải quyết…
95	Biết cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của	* Mạnh dạn đề nghị bạn và người khác giúp đỡ khi cần. - Nhận ra sự giúp đỡ của người khác để biết ơn.

	người khác, chấp nhận nhường nhịn	- Khi trao đổi thái độ bình tĩnh tôn trọng lẫn nhau. - Biết dùng cách để giải quyết mâu thuẫn giữa các bạn. - Hướng dẫn bạn đang cố gắng giải quyết một số vấn đề nào đó. - Biết nhường nhịn đoàn kết trong khi chơi. - Chấp hành và thực hiện sự phân công của người điều hành với thái độ sẵn sàng vui vẻ.
96	Bỏ rác đúng nơi quy định.	* Giữ gìn vệ sinh môi trường xanh sạch, đẹp - Bỏ rác đúng nơi quy định, trường, lớp, gia đình, nơi công cộng…. - Bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối.
97	Biết nhắc nhở người khác giữ gìn bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa…) (CS:22)	- Nhận ra được hành vi đúng sai của mọi người trong việc bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp - Nhận ra được ảnh hưởng của hành vi sai gây ô nhiễm môi trường. - Có ý thức giữ gìn bảo vệ môi trường nhắc nhở bạn không xả rác, bẻ cành, hái hoa…
98	Tiết kiệm trong sinh hoạt, tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng không để thừa thức ăn	- Biết sử dụng tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt ở trường và gia đình, công cộng… - Tắt điện, quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng… - Biết quý trọng và không để lãng phí thức ăn thừa…
Lĩnh vực phát triển thẩm mỹ		
99	Tán thưởng tự khám phá bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật hiện tượng (CS:55)	* Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật - Luyện các thoa tác vẽ, nặn, xé để tạo thành các sản phẩm gần gũi với trẻ, có màu sắc, hình dáng, đường nét bố cục -Tư thế ngồi, cách cầm bút màu tô. -Kỹ năng di màu tô khéo léo. -Tô, đồ theo nét và các hình đơn giản. -Tô màu chơi ở hoạt động góc. -Tô màu các hoạt động vẽ: Trường Mầm non, vẽ đồ dùng đồ chơi về chủ đề.... - Tô màu không chờm ra ngoài. - Biết đưa các sản phẩm mình tạo ra vào trong các hoạt động.
100	Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư,	* Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (Nhạc thiếu nhi, nhạc dân ca, nhạc cổ điể) - Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm,

	thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện	thiết tha) của các bài hát, bản nhạc trong chương trình - Thích nghe đọc thơ, kể chuyện, ca dao… đồng dao thể hiện sắc thái, tình cảm phù hợp.
101	Thích thú ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình(về màu sắc, hình dáng, bố cục…) của các tác phẩm tạo hình.	+ Thích thú, ngắm nhìn, và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục…) của các tác phẩm tạo hình… - Trong sinh hạt hàng ngày trẻ nhận ra được cái đẹp… - Thể hiện sự thích thú: reo hò, khen ngợi, xúyt xoa, ngắm nghía trước cái đẹp.
102	Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ… (CS:60)	- Hát đúng giai điệu lời ca thể hiện sắc thái tình cảm của bài hát đã được học trong chương trình - Biết thể hiện nét mặt, điệu bộ, cử chỉ sắc thái, tình cảm phù hợp với bài hát. - Hiểu nội dung bài hát. - Hát rõ lời bài hát.
103	Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát bản nhạc với các hình thức(vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa) (CS:60)	* Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện nét mặt động tác phù hợp với bài hát, bản nhạc. - Biết sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách nhịp, tiết tấu, múa, phù hợp…
104	Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm	- Tìm kiếm lựa chọn các khối hộp đơn giản để lắp ghép thành các đồ dùng đồ chơi khác nhau. - Tìm kiếm các nguyên liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, vật liệu mở…tạo nên sản phẩm tạo hình phong phú - Biết đưa sản phẩm làm ra vào các hoạt động chơi, học. - Trang trí cho lớp học… - Xem và NX sản phẩm của mình của bạn…
105	Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo thành bức tranh, có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối	- Tư thế ngồi, cách cầm bút khi vẽ. - Sử dụng các kĩ năng vẽ khéo léo để tạo ra sản phẩm có kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục - Biết đưa các sản phẩm mình tạo ra vào trong các hoạt động.
106	Thực hiện các kỹ năng cắt, dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	- Sử dụng các kĩ năng cắt, dán… để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét, bố cục… - Kỹ năng bôi hồ phết dán hình đúng vị trí

		- Dán các hình vào đúng vị trí cho trước, không bị nhăn.
107	Thực hiện các kỹ năng xé, dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	- Sử dụng các kĩ năng xé dán… để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét, bố cục… - Kỹ năng bôi hồ phết dán hình đúng vị trí - Dán các hình vào đúng vị trí cho trước, không bị nhăn.
108	Phối hợp các kỹ năng cắt, xé, dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối	- Sử dụng các kĩ năng cắt, xé dán… để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét, bố cục… - Cắt các hình theo đường nét đơn giản mà trẻ thích. - Đường cắt lượn theo các nét vẽ hạn chế bị rách. Ghép và dán hình đã cắt, xé theo mẫu…
109	Phối hợp các kỹ năng nặn, để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối	- Sử dụng các kĩ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét cân đối
110	Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sp có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối	+ Sử dụng các kĩ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét….
111	Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng bố cục	- Quan sát nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét. Qua sản phẩm của mình của bạn…
112	Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích - Đặt lời theo giai điệu một bài hát bản nhạc quen thuộc (1 câu hoặc 1 đoạn)
113	Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn	- Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích
114	Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích (CS:57).	- Bày tỏ nói lên ý tưởng của mình khi làm ra sản phẩm. - Đặt tên cho sản phẩm đã hoàn thành. - Trẻ thích thú ngắm nhìn trước những sản phẩm đẹp. - Trẻ biết giữ gìn và nhận xét sản phẩm của mình của bạn.
115	Đặt tên cho sản phẩm tạo hình	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm của mình đã tạo ra.

1.2. Trẻ 4 – 5 tuổi

TT MT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG

LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT		
*** Giáo dục phát triển vận động.**		
1	Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	* Phối hợp thực hiện thành thạo các động tác sau. + Hô hấp: Hít vào, thở ra. +Tay: Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên(kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay) + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). + Lưng, bụng, lườn: Cúi người về phía trước , ngửa người ra sau. + Quay người sang trái, sang phải, nghiêng người sang trái, sang phải. + Chân: Nhún chân, ngồi xổm đứng lên bật đứng co một chân…
2	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi.	- Trẻ khéo léo và giữ được thăng bằng thực hiện các kiểu đi. + Đi bằng gót chân, đi khuỵu gối, đi lùi. + Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. + Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m.
3	Kiểm soát được vận động đi/ chạy	- Tập trung nghe hiểu và thực hiện được các bài tập đi, chạy. + Đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn + Chạy chậm 60-80m
4	Thực hiện bài tập bật, nhảy	- Dùng sức mạnh toàn thân thực hiện các bài tập bật, nhảy. + Bật liên tục về phía trước. + Bật xa 30 - 40cm. + Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm). + Bật chụm tách chân, khép chân qua các 5 ô + Bật qua vật cản cao 10- 15 cm. + Nhảy lò cò 3 m.
5	Phối hợp tay- mắt trong vận động	- Phối hợp tay, mắt khéo léo thực hiện các bài tập tung, ném, bắt... + Tung bóng lên cao và bắt. + Tung bắt bóng với người đối diện. + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. + Ném trúng đích đứng bằng 1 tay. + Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân
6	Thể hiện nhanh, mạnh,	* Phối hợp nhịp nhàng nhân nọ tay kia thực

	khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp bò, trườn, trèo:	hiện các bài tập bò, trườn, trèo khéo léo - Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây - Bò bằng bàn tay, bàn chân 3- 4 m. - Bò dích dắc qua 5 điểm. - Bò chui qua cổng, qua ống dài 1,2m x 0.6m - Trườn theo hướng thẳng - Trèo qua hướng thẳng - Trèo qua ghế dài 1,5m x 30m - Trèo lên xuống 5 gióng thang
7	Thực hiện được các vận động	* Thực hiện được các cử động uốn ngón tay, bàn tay; xoa cổ tay. - Cuộn, xoay trong cổ tay, gập mở các ngón tay + Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngoán tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn, gắn, nối.
8	Phối hợp được các cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động	* Sử dụng các vận động tinh để thực hiện + Vẽ hình người, nhà, cây + Xé, cắt đường thẳng. + Gập giấy. + Lắp ghép hình 10 - 12 khối, + Tô, vẽ hình + Cài, cới cúc, xâu, buộc dây giày.
*** Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe**		
9	Biết 1 số thực phẩm cùng nhóm: - Thịt, cá…có nhiều chất đạm -Rau, quả chín có nhiều vitamin	+ Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng)
10	Nói được tên 1 số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	+ Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn. + Nhận biết các món ăn quen thuộc ở trường mầm non + Các món ăn trong ngày ở gia đình.
11	Biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	+ Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. + Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì…)
12	Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt khi được nhắc	+ Rèn thao tác rửa tay bằng xà phòng. + Tự lau mặt, đánh răng + Đi vệ sinh đúng nơi quy định.

	nhở.	+ Tự thay được quần áo khi bị ướt bẩn.
13	Tự cầm, thìa, xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn	- Biết sử dụng bát, thìa, xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, không làm đổ, ngồi ăn khéo léo…
14	Có một số hành vi tốt trong ăn uống	+ Mời cô mời bạn khi ăn, ăn từ tốn, nhai kĩ. + Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau… + Không uống nước lã. + Không ăn thức ăn có mùi ôi.
15	Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở	+ Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. + Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt… + Đi vệ sinh đúng nơi quy định + Bỏ rác đúng nơi quy định.
16	Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.... là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch	+ Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. + Không tự chơi với những đồ vật sắc nhọn, điện, vật nóng…
17	Nhận ra những nơi: hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước…là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.	+ Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn, không chơi ở những nơi nguy hiểm.
18	Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở	+ Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.. + Không ăn thức ăn có mùi ôi, không ăn lá, quả lạ, không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. + Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.
19	Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ.	+ Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu… + Biết gọi người lớn khi bị lạc nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại của người thân khi cần thiết.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		
*** Khám phá khoa học**		

20	Quan tâm đến những thay đổi của sự vật, hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng	+ Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị ướt?....
21	Phối hợp các giác quan để xem xét 1 số sự vật, hiện tượng, kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm. Để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng	+ Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. + Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. + Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. + Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. + Một số đặc điểm, tính chất của nước.
22	Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán.	+ Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nước với cuộc sống con người, con vật và cây. Ví dụ: Pha màu/ đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.
23	Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện	- Tập trung quan sát nhận xét được nội dung tranh ảnh, băng hình, trò chuyện… - Các hiện tượng tự nhiên. - Quan sát và đoán được các hiện tượng sắp xảy ra " Chuồn chuồn bay cao thấp" "Con mối bay nhiều"…
24	Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	+ Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu. + Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu. + Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu.
25	Nhận xét được một số mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng gần gũi. VD "cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/ mặn hơn	* Nhận xét được mối quan hệ các sự vật hiện tượng xung quanh - Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. - Các nguồn nước trong môi trường sống.
26	Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản	* Quan sát các hoạt động trong vui chơi, học tập, trong sinh hoạt … giải quyết vấn đề đơn giản bằng nhiều cách khác nhau đạt hiệu quả . Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn, để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn…

27	Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	+ So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi. + Sự khác nhau giữa ngày và đêm. + So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả.
28	Thể hiện 1 số hiểu biết về đối tượng qua hđ chơi, âm nhạc và tạo hình…	+ Trẻ biết vận dụng những hiểu biết đã học để trải nghiệm qua các hoạt động…
*** Làm quen với toán**		
29	Quan tâm đến chữ số, số lượng, thích đếm các vật ở xung quanh hỏi, bao nhiêu, số mấy…? Đếm trên đối tượng trong pv 10 So sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ bằng, nhiều hơn, ít hơn	+ Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. + Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5. * So sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 nói được bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất…
30	Tách, gộp 2 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói được kết quả.	+ Tách, gộp hai nhóm đối tượng và đếm. + Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ, nói được nhóm nào nhiều hơn, ít hơn hoặc bằng nhau.
31	Sử dụng các số từ 1- 5 để chỉ số lượng số thứ tự.	Sử dụng các số từ 1- 5 để chỉ số lượng số thứ tự.
32	Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày: số xe, số nhà, số cấp cứu..
33	Nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng và sao chép lại	+ So sánh phát hiện các qui tắc xắp xếp và sắp theo qui tắc tăng dần hoặc ngược lại …
34	Sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng.	+ Đo được độ dài một vật bằng 1 đơn vị đo + Đo được dung tích bằng 1 đơn vị đo, nói được kết quả đo và so sánh.
35	Chỉ ra các điểm giống, khác giữa giữa các hình	+ So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: Hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.

36	Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	+ Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.
37	Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	+ Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái
38	Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày	+ Nhận biết các buổi sáng trưa chiều tối. Biết được các thời điểm trong ngày
	*** Khám phá xã hội**	
39	Nói họ tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	+ Tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài của bản thân + Sở thích, khả năng của bản thân.
40	Nói họ, tên, công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	+ Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình…
41	Nói được địa chỉ của gia đình số nhà, đường, phố thôn, xóm khi được hỏi trò chuyện.	+ Nói được tên, địa chỉ gia đình (số nhà, đường phố/thôn, xóm)… + Số điện thoại của bố, mẹ, người thân ...
42	Nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	+ Tên, địa chỉ của trường lớp trẻ đang học
43	Nói tên, 1 số công việc của cô giáo và các cô bác trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	+ Tên và công việc của cô giáo và các cô bác ở trường. + ý nghĩa công việc của các cô, bác làm ở trường.
44	Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện	+ Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn, các hoạt động của trẻ trong trường, lớp…
45	Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ ích lợi… của một số nghề khi được hỏi trò chuyện.	+ Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.

46	Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội.	+ Kể tên, đặc điểm nổi bật của một số ngày lễ, hội, sự kiện văn hóa của thôn xóm, quê hương đất nước… + Ý nghĩa của các ngày lễ, hội ngày quốc khánh 2/9; tết thiếu nhi; trung thu…
47	Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương	+ Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước. - Các địa điểm gần gũi nơi trẻ đang sống… - Yêu quí và giữ gìn di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, truyền thống, văn hóa của quê hương, đất nước.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ		
48	Thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp	+ Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm. + Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu. ví dụ: "Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng".
49	Hiểu được các từ khái quát rau, quả, con vật, đồ gỗ…	+ Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ, đồ nhưa, đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập …
50	Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại	+ Nghe hiểu nội dung các câu đơn câu mở rộng, câu phức trong học tập và trong giao tiếp.
51	Nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	+ Nói phát âm được những từ khó, trả lời được các câu hỏi của cô giáo…
52	Sử dụng các từ chỉ sự vật hoạt động, đặc điểm….	- Sử dụng từ ngữ chính xác trong khi nói, gọi tên các đồ dùng , đồ vật xung quanh… - Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.
53	Sử dụng được các loại câu đơn câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định trong giao tiếp	+ Bày tỏ nhu cầu và hiểu biết của mình bằng các câu đơn, câu ghép trong giao tiếp.
54	Kể lại sự việc theo trình tự.	+ Kể lại sự việc có nhiều tình tiết. + Kể lại truyện đã được nghe, được nhìn thấy…
55	Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao…	+ Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè… hiểu được nội dung chính của bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò vè…
56	Kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	+ Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. + Trẻ nghe, hiểu và có thể kể lại chuyện…

57	Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	+ Đóng kịch. Thể hiện hành động, ngôn ngữ phù hợp để người khác hiểu… có thể sáng tạo hàng động ngôn từ thêm phầm hấp dẫn …
58	Sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cám ơn, xin lỗi trong giao tiếp	+ Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép với cô với người lớn. + Lịch sự trong giao tiếp và sinh hoạt với bạn.
59	Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	+ Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh khi giao tiếp.
60	Chọn sách để xem	+ Biết chọn sách để xem theo ý của mình… - Biết giữ gìn sách khi sử dụng, biết để dách vào đúng nơi khi không sử dụng
61	Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	+ Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh được nhìn, được thấy… mô tả để người khác hiểu
62	Cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. "đọc" sách theo tranh minh họa	+ Xem và nghe các loại sách khác nhau. + Hướng đọc viết từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. + Đọc truyện qua các tranh vẽ + Giữ gìn, bảo vệ sách.
63	Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt.	+ Nhận dạng một số chữ cái trong bảng chữ cái Tiếng Việt. + Tập tô và đồ các nét chữ + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. + Biết viết từ trái sang phải từ dòng trên xuống dòng dưới…
64	Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm…	+ Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)
65	Sử dụng ký hiệu để " Viết" tên làm vé tàu, thiệp chúc mừng.	+ Biết sử dụng 1 số ký hiệu để phân được sản phẩm của mình của bạn.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI		
*** Phát triển tình cảm.**		
66	Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	+ Tên, tuổi, giới tính. + Sở thích, khả năng của bản thân.

67	Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	+ Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được. + Thích được hỏi và trò chuyện về một số nghề…
68	Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	+ Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích riêng của mình…
69	Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao (Trực nhật và dọn đồ chơi)	- Thích thú khoe sản phẩm của mình với người khác và các bạn. - Giữ gìn sản phẩm cẩn thận. - Thích nhìn và quý trọng sản phẩm của mình và bạn làm ra.
70	Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	+ Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.
71	Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	+ Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.
72	Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	+ Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ. Qua các hoạt động của Bác …
73	Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	+ Kính yêu Bác Hồ. + Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ…
74	Biết một vài cảnh đẹp, lễ, hội của quê hương, đất nước.	+ Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của trường, của địa phương, quê hương, đất nước…
*** Phát triển kỹ năng xã hội**		
75	Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.	+ Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường). + Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.
76	Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép. + Chào hỏi và xưng hô lễ phép với người lớn, nói lời cảm ơn khi được giúp đỡ, biết xin lỗi khi có lỗi, biết cảm ơn khi nhận quà…

77	Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	- Lắng nghe ý kiến của người khác thể hiện cử chỉ lịch sự, tôn trọng người nói khi giao tiếp với bạn bè và người lớn, chú ý, nhìn vào mắt người nói, lắng nghe người nói. + Đặt câu hỏi đúng lúc, không cắt ngang khi người khác đang nói…
78	Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	+ Biết chờ đến lượt không chen lấn xô đẩy khi lên xuống xe, cầu thang, siêu thị. + Biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động.
79	Biết trao đổi, thảo luận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật, lao động)	+ Tham gia hoạt động nhóm, tập thể. + Lắng nghe bạn nói để trao đổi ý kiến của mình với các bạn. + Quan tâm, giúp đỡ bạn + Phân biệt hành vi " đúng sai"- " tốt" "xấu"
80	Thích chăm sóc cây cối con vật quen thuộc	+ Quan tâm, yêu thích và chăm sóc con vật và cây cối…
81	Bỏ rác đúng nơi quy định	+ Phân biệt hành vi " đúng- sai" " tốt – xấu" + Biết giữ gìn vệ sinh môi trường
82	Không bẻ cành, bứt hoa	- Nhận ra được hành vi đúng sai của mọi người trong việc bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp - Có ý thức giữ gìn bảo vệ môi trường nhắc bạn không xả rác, bẻ cành, hái hoa
83	Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng	+ Biết sử dụng tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt ở trường và gia đình, công cộng… + Có ý thức tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt, biết tắt quạt khi không dùng…
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MĨ		
84	Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	+ Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
85	Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc, Thích nghe, đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu	+ Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca). Hưởng ứng theo giai điệu bài hát, bản nhạc cùng cô…

	chuyện.	
86	Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng…) của các tác phẩm tạo hình.	+ Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng…) của các tác phẩm tạo hình.
87	Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ ...	+ Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ….
88	Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa)	+ Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. + Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.
89	Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	+ Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.
90	Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có bố cục.	+ Sử dụng các kĩ năng vẽ khéo léo để tạo ra sản phẩm có kích thước, hình dáng/ đường nét.
91	Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	+ Sử dụng các kĩ năng cắt, xé dán… để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét, bố cục.
92	Làm lõm, ấn bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản/ p có nhiều chi tiết.	+ Sử dụng các kĩ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.
93	Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	+ Sử dụng các kĩ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.
94	Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	+ Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét.
95	Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát, bản nhạc	+ Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc.
96	Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	+ Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.

97	Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	+ Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích. + Nói lên ý tưởng tạo hình của mình. + Đặt tên cho sản phẩm của mình. Giữ gìn sản phẩm của mình, của bạn, của nhóm, lớp.

*** MỤC TIÊU LỚP GHÉP *(phân hiệu 2)***

TTMT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT		
*** Giáo dục phát triển vận động.**		
MT1	- *3 tuổi:* Thực hiện đầy đủ các đông tác trong bài theo hướng dẫn. - *4 tuổi:* Thực hiện đúng, đầy đủ, nhịp nhàng các động tác trong bài thể dục theo hiệu lệnh.	* Phối hợp thực hiện thành thạo các động tác sau. + Hô hấp: Hít vào, thở ra. + Tay: Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên(kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay) + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu). + Lưng, bụng, lườn: Cúi người về phía trước , ngửa người ra sau. + Quay người sang trái, sang phải, nghiêng người sang trái, sang phải. + Chân: Nhún chân, ngồi xổm đứng lên bật tại chỗ, đứng co một chân...
	- *3 tuổi:*Giữ được thăng bằng cơthể khi thực hiện vận động đi - *4 tuổi*: Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi.	* Trẻ khéo léo và giữ được thăng bằng thực hiện các kiểu đi. + Đi bằng gót chân, đi khuỵu gối, đi lùi. + Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. + Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3 m.
MT 3	- *3 tuổi:*Kiểm soát được vận độngđi/ chạy - *4 tuổi*:Kiểm soát được vận động đi/ chạy	* Tập trung nghe hiểu và thực hiện được các bài tập đi, chạy. + Đi/ chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn + Chạy chậm 60-80m
MT 4	- *3 tuổi:*Thực hiện bài tập bật-nhảy - *4 tuổi*:Thực hiện bài tập bật, nhảy	* Dùng sức mạnh toàn thân thực hiện các bài tập bật, nhảy. + Bật liên tục về phía trước. + Bật xa 30 - 40cm. + Bật - nhảy từ trên cao xuống (cao 30 - 35cm). + Bật chụm tách chân, khép chân qua các 5 ô.

		+ Bật qua vật cản cao 10- 15 cm. + Nhảy lò cò 3 m.
MT 5	- *3 tuổi:*Phối hợp tay- mắt trongvận động - *4 tuổi*:Phối hợp tay- mắt trong vận động	* Phối hợp tay, mắt khéo léo thực hiện các bài tập tung, ném, bắt... + Tung bóng lên cao và bắt. + Tung bắt bóng với người đối diện. + Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. + Ném trúng đích đứng bằng 1 tay. + Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân
MT 6	- *3 tuổi:*Thể hiện nhanh, mạnh, khéo léo trong thực hiệnbài tập tổng hợp - *4 tuổi*:Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp bò, trườn, trèo:	* Phối hợp nhịp nhàng nhân nọ tay kia thực hiện các bài tập bò, trườn, trèo khéo léo - Chạy liên tục theo hướng thẳng 15m trong 10 giây - Bò bằng bàn tay, bàn chân 3- 4 m. - Bò dích dắc qua 5 điểm. - Bò chui qua cổng, qua ống dài 1,2m x 0.6m - Trườn theo hướng thẳng - Trèo qua hướng thẳng - Trèo qua ghế dài 1,5m x 30m - Trèo lên xuống 5 gióng thang
MT 7	- *3 tuổi:*Thực hiện được các vậnđộng - *4 tuổi*:Thực hiện được các vận động	* Thực hiện được các cử động uốn ngón tay, bàn tay; xoa cổ tay. + Cuộn, xoay trong cổ tay, gập mở các ngón tay + Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngoán tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn, gắn, nối.
MT 8	- *3 tuổi:*Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, trong một số hoạt động - *4 tuổi*:Phối hợp được các cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động	* Sử dụng các vận động tinh để thực hiện + Vẽ hình người, nhà, cây + Xé, cắt đường thẳng. + Gập giấy. + Lắp ghép hình 10 - 12 khối, + Tô, vẽ hình + Cài, cới cúc, xâu, buộc dây giày.
*** Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe**		
MT 9	- *3 tuổi:*Biết tên một số món ăn hàng ngày: Trứng rán, cá kho, canh rau… - *4 tuổi*:Biết 1 số thực phẩm cùng nhóm: + Thịt, cá…có nhiều chất đạm + Rau, quả chín có nhiều vitamin	* Nhận biết một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (trên tháp dinh dưỡng)

MT 10	- *3 tuổi:*Nói đúng tên 1 số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt cá, trứng, sữa,rau…) - *4 tuổi*:Nói được tên 1 số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	+ Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn. + Nhận biết các món ăn quen thuộc ở trường mầm non + Các món ăn trong ngày ở gia đình.
MT 11	- *3 tuổi:*Biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhậnăn nhiều loại thức ăn khác nhau. - *4 tuổi*:Biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh, thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng.	* Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. + Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì…)
MT 12	- *3 tuổi:*Thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn - *4 tuổi*:Thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt khi được nhắc nhở.	+ Rèn thao tác rửa tay bằng xà phòng. + Tự lau mặt, đánh răng + Đi vệ sinh đúng nơi quy định. + Tự thay được quần áo khi bị ướt bẩn.
MT 13	- *3 tuổi:*Sử dụng bát, thìa cốc đúng cách. - *4 tuổi*:Tự cầm, thìa, xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đỗ thức ăn	* Biết sử dụng bát, thìa, xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, không làm đổ, ngồi ăn khéo léo…
MT 14	- *3 tuổi:*Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở, uống nước đã. đun sôi… - *4 tuổi*:Có một số hành vi tốt trong ăn uống	+ Mời cô mời bạn khi ăn, ăn từ tốn, nhai kĩ. + Chấp nhận ăn rau và ăn nhiều loại thức ăn khác nhau… + Không uống nước lã. + Không ăn thức ăn có mùi ôi.
MT 15	- *3 tuổi:*Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở - *4 tuổi*:Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở	+ Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học. + Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt… + Đi vệ sinh đúng nơi quy định + Bỏ rác đúng nơi quy định.
MT 15	- *3 tuổi:*Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở	+ Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giày khi đi học.

	- *4 tuổi*:Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở	+ Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt… + Đi vệ sinh đúng nơi quy định + Bỏ rác đúng nơi quy định.
MT 16	- *3 tuổi:*Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng..) khi được nhắc nhở. - *4 tuổi*: Nhận ra bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng.... là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch.	* Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. + Không tự chơi với những đồ vật sắc nhọn, điện, vật nóng…
MT 17	- *3 tuổi:*Biết tránh nơi nguy hiểm(hồ ao, bể chứa nước, giếng, hố vôi…) khi được nhắc nhở - *4 tuổi*:Nhận ra những nơi: hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước…là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.	* Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn, không chơi ở những nơi nguy hiểm.
MT 18	- *3 tuổi:*Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở - *4 tuổi*:Biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh khi được nhắc nhở	+ Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.. + Không ăn thức ăn có mùi ôi, không ăn lá, quả lạ, không tự ý uống thuốc khi không được phép của người lớn. + Không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.
MT 19	- *3 tuổi:*Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng..) khi được nhắc nhở. - *4 tuổi*:Nhận ra một số trường hợp nguy hiểm và gọi người giúp đỡ.	* Biết gọi người lớn khi gặp một số trường hợp khẩn cấp: cháy, có người rơi xuống nước, ngã chảy máu… + Biết gọi người lớn khi bị lạc nói được tên, địa chỉ gia đình, số điện thoại của người thân khi cần thiết.
PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		
*** Khám phá khoa học**		
MT 20	- *3 tuổi:*Quan tâm hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng hay đặt câu hỏi về đối tượng. - *4 tuổi*:Quan tâm đến những thay đổi của sự vật,	* Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. Vì sao cây lại héo? Vì sao lá cây bị ướt?....

	hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo như đặt câu hỏi về những thay đổi của sự vật, hiện tượng	
MT 21	- *3 tuổi:*Sử dụng các giác quan đểxem xét tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ…để nhận ra đặc điểm của đối tượng. - *4 tuổi*:Phối hợp các giác quan để xem xét 1 số sự vật, hiện tượng, kết hợp nhìn, sờ, ngửi, nếm. Để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng	* Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể. + Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. + Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. + Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. + Một số đặc điểm, tính chất của nước.
MT 22	- *3 tuổi:*Làm thử nghiệm đơn giảnvới sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. - *4 tuổi*:Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán.	+ Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nước với cuộc sống con người, con vật và cây. Ví dụ: Pha màu/ đường/muối vào nước, dự đoán, quan sát, so sánh.
MT 23	- *3 tuổi:*Thu thập thông tin về đối tượng băng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng - *4 tuổi*:Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách, tranh ảnh, nhận xét và trò chuyện	* Tập trung quan sát nhận xét được nội dung tranh ảnh, băng hình, trò chuyện… + Các hiện tượng tự nhiên. Quan sát và đoán được các hiện tượng sắp xảy ra " Chuồn chuồn bay cao thấp" "Con + Mối bay nhiều"…
MT 24	- *3 tuổi:*Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật. - *4 tuổi*:Phân loại các đối tượng theo một hoặc hai dấu hiệu.	* Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 1 - 2 dấu hiệu. + Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 1 - 2 dấu hiệu. + Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông và phân loại theo 1 - 2 dấu hiệu.
MT 25	- *3 tuổi:*Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng quen thuộc khi được hỏi - *4 tuổi*:Nhận xét được một	* Nhận xét được mối quan hệ các sự vật hiện tượng xung quanh + Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người.

	số mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng gần gũi. VD "cho thêm đường/ muối nên nước ngọt/ mặn hơn	+ Các nguồn nước trong môi trường sống.
*Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán		
MT 26	- 3 *tuổi*:Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản - *4 tuổi*:Sử dụng cách thức thích hợp để giải quyết vấn đề đơn giản	* Quan sát các hoạt động trong vui chơi, học tập, trong sinh hoạt … giải quyết vấn đề đơn giản bằng nhiều cách khác nhau đạt hiệu quả . Ví dụ: Làm cho ván dốc hơn, để ô tô đồ chơi chạy nhanh hơn…
MT 27	- *3 tuổi:*Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo. - *4 tuổi*: Nhận xét, trò chuyện về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	+ So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi. + Sự khác nhau giữa ngày và đêm. + So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả.
MT 28	- *3 tuổi:*Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình… - *4 tuổi*:Thể hiện một số hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình…	* Trẻ biết vận dụng những hiểu biết đã học để trải nghiệm qua các hoạt động…
MT 29	- *3 tuổi:*Quan tâm đến SL và đếm hay hỏi về số đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5. So sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 và nói được bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn - *4 tuổi*: Quan tâm đến chữ số, số lượng, thích đếm các vật ở xung quanh hỏi, bao nhiêu, số mấy…? Đếm trên đối tượng trong pv 10 So sánh sl của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ bằng, nhiều hơn, ít hơn	* Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. + Chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 5. * So sánh số lượng của 2 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 nói được bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất…

MT 30	- *3 tuổi:* Biết tách/gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại trong phạm vi 5 - *4 tuổi*: Tách, gộp 2 nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5, đếm và nói được kết quả.	+ Tách, gộp hai nhóm đối tượng và đếm. + Tách một nhóm đối tượng thành hai nhóm nhỏ, nói được nhóm nào nhiều hơn, ít hơn hoặc bằng nhau.
MT 31	- 3 *tuổi*:Sử dụng các số từ 1- 5 để chỉ số lượng số thứ tự. - *4 tuổi*: Sử dụng các số từ 1- 5 để chỉ số lượng số thứ tự.	Sử dụng các số từ 1- 5 để chỉ số lượng số thứ tự.
MT 32	- 3 *tuổi*:Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày. - *4 tuổi*:Nhận biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày: số xe, số nhà, số cấp cứu..
MT 33	- *3 tuổi:*Nhận ra quy tắc săp xếp đơn giản(mẫu) và sao chép lại. - *4 tuổi*:Nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất 3 đối tượng sao chép lại	+ So sánh phát hiện các qui tắc xắp xếp và sắp theo qui tắc tăng dần hoặc ngược lại …
MT 34	- *3 tuổi:*So sánh 2 đối tượng về kích thước - *4 tuổi*:Sử dụng được dụng cụ để đo độ dài, dung tích của 2 đối tượng.	+ Đo được độ dài một vật bằng 1 đơn vị đo + Đo được dung tích bằng 1 đơn vị đo, nói được kết quả đo và so sánh.
MT 35	- 3 tuổi:Nhận dạng và gọi tên các hình: Tròn, vuông, tam giác, chữ nhật. - *4 tuổi*:Chỉ ra các điểm giống, khác giữa giữa các hình	+ So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: Hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật.
MT 36	- 3 *tuổi*:Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản. - *4 tuổi*:Sử dụng các vật liệu khác nhau để tạo ra các hình đơn giản.	+ Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu.

MT 37	- *3 tuổi:*Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân. - *4 tuổi*:Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với người khác.	+ Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (phía trước – phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái
MT 38	- 3 *tuổi*:Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày - *4 tuổi*:Mô tả các sự kiện xảy ra theo trình tự thời gian trong ngày	+ Nhận biết các buổi sáng trưa chiều tối. Biết được các thời điểm trong ngày
*** Khám phá xã hội**		
MT 39	- *3 tuổi:*Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. - *4 tuổi*:Nói họ tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện	+ Tên, tuổi, giới tính, đặc điểm bên ngoài của bản thân + Sở thích, khả năng của bản thân.
MT 40	- *3 tuổi:*Nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình - *4 tuổi*:Nói họ, tên, công việc của bố, mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	+ Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình…
MT 41	- *3 tuổi:*Nói địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện,xem tranh ảnh về gia đình. - *4 tuổi*:Nói được địa chỉ của gia đình số nhà, đường, phố thôn, xóm khi được hỏi trò chuyện.	+ Nói được tên, địa chỉ gia đình (số nhà, đường phố/thôn, xóm)… + Số điện thoại của bố, mẹ, người thân ...
MT 42	- *3 tuổi:*Nói được tên trường, lớp,cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện. - *4 tuổi*:Nói tên và địa chỉ của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	+ Tên, địa chỉ của trường lớp trẻ đang học
MT 43	- 3 *tuổi*: Nói tên, 1 số công	+ Tên và công việc của cô giáo và các

	việc của cô giáo và các cô bác trong trường khi được hỏi, trò chuyện. - *4 tuổi*: Nói tên, 1 số công việc của cô giáo và các cô bác trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	cô bác ở trường. + ý nghĩa công việc của các cô, bác làm ở trường.
MT 44	- 3 *tuổi*:Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện - *4 tuổi*:Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện	+ Họ tên và một vài đặc điểm của các bạn, các hoạt động của trẻ trong trường, lớp…
MT 45	- *3 tuổi:*Kể tên, và nói được sp của nghề nông, nghề xây dựng… khi được hỏi, xem tranh. - *4 tuổi*:Kể tên, công việc, công cụ, sản phẩm/ ích lợi... của một số nghề khi được hỏi trò chuyện	+ Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.
MT 46	- *3 tuổi:*Kể tên 1 số lễ hội: Ngày khai giảng, tết trung thu qua trò chuyện, tranh ảnh - *4 tuổi*:Kể tên và nói đặc điểm của 1 số ngày lễ hội.	+ Kể tên, đặc điểm nổi bật của một số ngày lễ, hội, sự kiện văn hóa của thôn xóm, quê hương đất nước… + Ý nghĩa của các ngày lễ, hội ngày quốc khánh 2/9; tết thiếu nhi; trung thu…
MT 47	- *3 tuổi:*Kể tên một vài danh lam thắng cảnh đẹp của địa phương. - *4 tuổi*:Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử ở địa phương	+ Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước. - Các địa điểm gần gũi nơi trẻ đang sống… - Yêu quí và giữ gìn di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, truyền thống, văn hóa của quê hương, đất nước.
PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ		
MT 48	- *3 tuổi:*Thực hiện được yêu cầu đơn giản, VD: cháu hãy lấy quả bóng ném vào rổ. - *4 tuổi*:Thực hiện được 2, 3 yêu cầu liên tiếp	+ Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm. + Hiểu và làm theo được 2, 3 yêu cầu. ví dụ: "Cháu hãy lấy hình tròn màu đỏ gắn vào bông hoa màu vàng".
MT 49	- *3 tuổi:*Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: Quần áo, đồ chơi, hoa, quả… - *4 tuổi*:Hiểu được các từ	+ Hiểu nghĩa từ khái quát: rau quả, con vật, đồ gỗ, đồ nhưa, đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập …

	khái quát rau, quả, con vật, đồ gỗ…	
MT 50	- *3 tuổi:*Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại. - *4 tuổi*:Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại	+ Nghe hiểu nội dung các câu đơn câu mở rộng, câu phức trong học tập và trong giao tiếp.
MT 51	- *3 tuổi:*Nói rõ các tiếng - *4 tuổi*:Nói rõ để người nghe có thể hiểu được.	+ Nói phát âm được những từ khó, trả lời được các câu hỏi của cô giáo…
MT 52	Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm.… - *4 tuổi*:Sử dụng các từ chỉ sự vật hoạt động, đặc điểm….	- Sử dụng từ ngữ chính xác trong khi nói, gọi tên các đồ dùng , đồ vật xung quanh - Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.
MT 53	- *3 tuổi:*Sử dụng được câu đơn,câu ghép - *4 tuổi*:Sử dụng được các loại câu đơn câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định trong giao tiếp	+ Bày tỏ nhu cầu và hiểu biết của mình bằng các câu đơn, câu ghép trong giao tiếp.
MT 54	- *3 tuổi:*Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra: Thăm ông bà, đi chơi, xem phim.… - *4 tuổi*:Kể lại sự việc theo trình tự.	+ Kể lại sự việc có nhiều tình tiết. + Kể lại truyện đã được nghe, được nhìn thấy…
MT 55	- *3 tuổi:*Đọc thuộc bài thơ, cadao, đồng dao… - *4 tuổi*:Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao…	+ Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè… hiểu được nội dung chính của bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò vè…
MT 56	- *3 tuổi:*Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn - *4 tuổi*:Kể chuyện có mở đầu, kết thúc.	+ Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. + Trẻ nghe, hiểu và có thể kể lại chuyện…
MT 57	- *3 tuổi:*Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện. - *4 tuổi*:Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	+ Đóng kịch. Thể hiện hành động, ngôn ngữ phù hợp để người khác hiểu… có thể sáng tạo hàng động ngôn từ thêm phầm hấp dẫn …
MT 58	- *3 tuổi:*Sử dụng các từ: Vâng ạ, dạ thưa trong giao tiếp	+ Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép với cô với người lớn. + Lịch sự trong giao tiếp và sinh hoạt

	- *4 tuổi*:Sử dụng các từ như mời cô, mời bạn, cám ơn, xin lỗi trong giao tiếp	với bạn.
MT 59	- *3 tuổi:*Nói đủ nghe không nói lý nhí. - *4 tuổi*:Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn cảnh khi được nhắc nhở.	+ Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh khi giao tiếp.
MT 60	- *3 tuổi:*Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách để xem tranh, - *4 tuổi*:Chọn sách để xem	+ Biết chọn sách để xem theo ý của mình… - Biết giữ gìn sách khi sử dụng, biết để dách vào đúng nơi khi không sử dụng
MT 61	- *3 tuổi:*Nhìn vào tranh minh họavà gọi tên nhân vật trong tranh - *4 tuổi*:Mô tả hành động của các nhân vật trong tranh.	+ Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh được nhìn, được thấy… mô tả để người khác hiểu
MT 62	- 3 *tuổi*:Cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. "đọc" sách theo tranh minh họa - *4 tuổi*:Cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. "đọc" sách theo tranh minh họa	+ Xem và nghe các loại sách khác nhau. + Hướng đọc viết từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. + Đọc truyện qua các tranh vẽ + Giữ gìn, bảo vệ sách.
MT 63	- *3 tuổi:*Thích vẽ "viết" nguệch,ngoạc. - *4 tuổi*:Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt.	+ Nhận dạng một số chữ cái trong bảng chữ cái Tiếng Việt. + Tập tô và đồ các nét chữ + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. + Biết viết từ trái sang phải từ dòng trên xuống dòng dưới…
MT 64	- 3 *tuổi*:Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm… - *4 tuổi*:Nhận ra kí hiệu thông thường trong cuộc sống: nhà vệ sinh, cấm lửa, nơi nguy hiểm…	+ Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)
MT 65	- 3 *tuổi*:Sử dụng ký hiệu để " Viết" tên làm vé tàu, thiệp chúc mừng. - *4 tuổi*:Sử dụng ký hiệu để	+ Biết sử dụng 1 số ký hiệu để phân được sản phẩm của mình của bạn.

	" Viết" tên làm vé tàu, thiệp chúc mừng.	
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI		
MT 66	- *3 tuổi:*Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân. - *4 tuổi*:Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân, tên bố, mẹ.	+ Tên, tuổi, giới tính. + Sở thích, khả năng của bản thân.
MT 67	- *3 tuổi:*Nói được điều bé thích,không thích. - *4 tuổi*:Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được.	+ Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được. + Thích được hỏi và trò chuyện về một số nghề…
MT 68	- *3 tuổi:*Mạnh dạn tham gia vào các hoạy động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi. - *4 tuổi*:Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích.	+ Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích riêng của mình…
MT 69	- *3 tuổi:*Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi…) - *4 tuổi*:Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao (Trực nhật và dọn đồ chơi)	- Thích thú khoe sản phẩm của mình với người khác và các bạn. - Giữ gìn sản phẩm cẩn thận. - Thích nhìn và quý trọng sản phẩm của mình và bạn làm ra. - Cố gắng hoàn thành công việc được giao (trực nhật, dọn đồ chơi).
MT 70	- *3 tuổi:*Nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh. - *4 tuổi*:Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	+ Nhận biết cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.
MT 71	- *3 tuổi:*Biết biểu lộ một số cảm. xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận. - *4 tuổi*:Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên.	+ Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình.
MT 72	- *3 tuổi:*Nhận ra hình ảnh Bác Hồ. - *4 tuổi*:Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ.	+ Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ. Qua các hoạt động của Bác …

MT 73	- *3 tuổi:*Thích nghe kể chuyện,nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ. - *4 tuổi*:Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	+ Kính yêu Bác Hồ. + Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ…
MT 74	- 3 *tuổi*:Biết một vài cảnh đẹp, lễ, hội của quê hương, đất nước. - *4 tuổi*:Biết một vài cảnh đẹp, lễ, hội của quê hương, đất nước.	+ Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của trường, của địa phương, quê hương, đất nước…
MT 75	- *3 tuổi:*Thực hiện được 1 số quyđịnh ở lớp và gia đình - *4 tuổi*:Thực hiện được một số quy định ở lớp và gia đình: Sau khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn, vâng lời ông bà, bố mẹ.	+ Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ; đi bên phải lề đường). + Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.
MT 76	- *3 tuổi:*Biết chào hỏi, nói cảm ơn, xin lỗi, khi được nhắc nhở - *4 tuổi*:Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	+ Sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép. - Chào hỏi và xưng hô lễ phép với người lớn, nói lời cảm ơn khi được giúp đỡ, biết xin lỗi khi có lỗi, biết cảm ơn khi nhận quà…
MT 77	- *3 tuổi:*Chú ý nghe khi cô, bạn nói. - *4 tuổi*:Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	+ Lắng nghe ý kiến của người khác thể hiện cử chỉ lịch sự, tôn trọng người nói khi giao tiếp với bạn bè và người lớn, chú ý, nhìn vào mắt người nói, lắng nghe người nói. - Đặt câu hỏi đúng lúc, không cắt ngang khi người khác đang nói…
MT 78	- *3 tuổi:*Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theonhóm nhỏ. - *4 tuổi*:Biết chờ đến lượt khi được nhắc nhở.	+ Biết chờ đến lượt không chen lấn xô đẩy khi lên xuống xe, cầu thang, siêu thị. + Biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động.
MT 79	- 3 *tuổi*:Biết trao đổi, thảo luận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật, lao động) - *4 tuổi*:Biết trao đổi, thảo	+ Tham gia hoạt động nhóm, tập thể. + Lắng nghe bạn nói để trao đổi ý kiến của mình với các bạn. + Quan tâm, giúp đỡ bạn + Phân biệt hành vi " đúng sai"- " tốt"

	luận với bạn để cùng thực hiện hoạt động chung (chơi, trực nhật, lao động)	"xấu"
MT 80	- *3 tuổi:* Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây. - *4 tuổi*:Thích chăm sóc cây cối con vật quen thuộc	+ Quan tâm, yêu thích và chăm sóc con vật và cây cối…
MT 81	- *3 tuổi:*Bỏ rác đúng nơi quy định - *4 tuổi*:Bỏ rác đúng nơi quy định	+ Phân biệt hành vi " đúng- sai" " tốt – xấu" + Biết giữ gìn vệ sinh môi trường + Bỏ rác đúng nơi quy định. Giữ gìn vệ sinh môi trường.
MT 82	- 3 *tuổi*:Không bẻ cành, bứt hoa - *4 tuổi*:Không bẻ cành, bứt hoa	- Nhận ra được hành vi đúng sai của mọi người trong việc bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp - Có ý thức giữ gìn bảo vệ môi trường nhắc bạn không xả rác, bẻ cành, hái hoa
MT 83	- 3 *tuổi*:Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng - *4 tuổi*:Không để tràn nước khi rửa tay, tắt quạt, tắt điện khi ra khỏi phòng	+ Biết sử dụng tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt ở trường và gia đình, công cộng… + Có ý thức tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt, biết tắt quạt khi không dùng…
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MĨ		
MT 84	- *3 tuổi:*Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng - *4 tuổi*:Vui sướng, vỗ tay, làm động tác mô phỏng và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	+ Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
MT 85	- *3 tuổi:*Chú ý nghe, tỏ ra thích thú (hát, vỗ tay, nhún	+ Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca). Hưởng

	nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc. Thích nghe đọc thơ ca, tục ngữ, thích nghe kể câu chuyện - *4 tuổi*:Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc, Thích nghe, đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể chuyện.	ứng theo giai điệu bài hát, bản nhạc cùng cô…
MT 86	- *3 tuổi:*Vui sướng chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng…) của các tác phẩm tạo hình. - *4 tuổi*:Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng…) của các tác phẩm tạo hình.	+ Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.
MT 87	- *3 tuổi:*Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc. - *4 tuổi*:Hát đúng giai điệu, lời ca, hát rõ lời và thể hiện sắc thái của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ ...	+ Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ….
MT 88	- *3 tuổi:*Vận động theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, phách, vận động minh họa) - *4 tuổi*:Vận động nhịp nhàng theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo nhịp, tiết tấu, múa)	+ Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc. + Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.
MT 89	- *3 tuổi:*Sử dụng các nguyên	+ Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình,

	vật liệu tạo hình để tạo ra sảnphẩm theo sự gợi ý. - *4 tuổi*:Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm.	vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm.
MT 90	- *3 tuổi:*Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh có bố cục - *4 tuổi*:Vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có bố cục.	+ Sử dụng các kĩ năng vẽ khéo léo để tạo ra sản phẩm có kích thước, hình dáng/ đường nét.
MT 91	- *3 tuổi:*Xé, theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản - *4 tuổi*:Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.	+ Sử dụng các kĩ năng cắt, xé dán… để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét, bố cục.
MT 92	- *3 tuổi:*Lăn dọc, xoay tròn ấn dẹt, đất nặn để nặn thành các sản phẩm có 1 khối 2 khối. - *4 tuổi*:Làm lõm, ấn bẹt, bẻ loe, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.	+ Sử dụng các kĩ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét. - Sử dụng các kỹ năng xoay tròn, ấn bẹt; bẻ cong, … để tạo ra con vật đồ vật quen thuộc và đơn giản.
MT 93	- *3 tuổi:*Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc đơn giản. - *4 tuổi*:Phối hợp các kĩ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc khác nhau.	+ Sử dụng các kĩ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.
MT 94	- *3 tuổi:*Nhận xét các sản phẩm tạo hình. - *4 tuổi*:Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, đường nét, hình dáng.	+ Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét.
MT 95	- *3 tuổi:*Vận động theo ý	+ Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận

	thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc. - *4 tuổi*:Lựa chọn và tự thể hiện hình thức vận động theo bài hát,bản nhạc.	động theo nhạc.
MT 96	- 3 *tuổi*:Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát. - *4 tuổi*:Lựa chọn dụng cụ để gõ đệm theo nhịp điệu, tiết tấu bài hát.	+ Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát.
MT 97	- *3 tuổi:*Tạo ra các sản phẩm tạohình theo ý thích. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình - *4 tuổi*:Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	+ Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm theo ý thích. + Nói lên ý tưởng tạo hình của mình. + Đặt tên cho sản phẩm của mình. Giữ gìn sản phẩm của mình, của bạn, của nhóm, lớp.

1.3. Trẻ 3 – 4 tuổi

TT MT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG GIÁO DỤC
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT		
*** Giáo dục phát triển vận động**		
1	Thực hiện đầy đủ các động tác trong bài thể dục theo hướng dẫn.	- Phối hợp thực hiện thành thạo các động tác sau + Hô hấp: Hít vào, thở ra. + Tay: Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực. + Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, quay người sang trái, sang phải. + Chân: bước lên phía trước, bước sang ngang, ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ, đứng co một chân.
2	Giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi	- Giữ được thăng bằng thực khi hiện được các kiểu đi. + Đi kiểng gót liên tục 3m. + Đi trong đường hẹp(3m x 0,2 m) + Đi bước lùi liên tiếp khoảng 3m + Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng

3	Kiểm soát được vận động đi/ chạy	- Trẻ chú ý thực hiện được các bài tập đi, chạy + Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh + Chạy liên tục trong đường dích dắc(3- 4 điểm dích dắc) không chệch ra ngoài.
4	Phối hợp tay- mắt trong vận động	- Phối hợp tay, mắt khéo léo thực hiện các bài tập tung, ném, bắt... + Tung bóng lên cao và bắt. + Tung bắt bóng với cô: Bắt được 3 lần liền không rơi bóng(khoảng cách 2,5 m) + Đập và bắt bóng tại chỗ. + Đập và bắt bóng được 3 lần liên tiếp + Chuyền, bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc. + Ném xa bằng 1 tay.
5	Thể hiện nhanh, mạnh, khéo léo trong thực hiện bài tập tổng hợp	- Phối hợp nhịp nhàng nhân nọ tay kia thực hiện các bài tập bò, trườn, trèo khéo léo + Chạy 15m liên tục theo hướng thẳng + Ném trúng đích ngang (xa 1,5m) +Bò trong đường hẹp (3m x 0,4 m) không chệch ra ngoài. +Bò chui qua cổng + Trườn về phía trước + Bước lên, xuống bục cao (cao 30cm)
6	Thực hiện bài tập bật- nhảy	Dùng sức mạnh toàn thân thực hiện các bài tập bật, nhảy. + Bật tại chổ + Bật về phía trước + Bật xa 20 - 25 cm + Nhảy lò cò
7	Thực hiện được các vận động	Phối hợp được các cử động uốn ngón tay, bàn tay; xoa cổ tay. + Xoay tròn cổ tay + Gập, đan các ngón tay vào nhau
8	Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, trong một số hoạt động	Sử dụng các vận động tinh để thực hiện + Vẽ được hình tròn theo mẫu + Cắt thẳng được 1 đoạn 10 cm + Xếp chồng 8- 10 khối không đổ + Tự cài, cởi cúc
9	Nói đúng tên 1 số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (thịt cá, trứng, sữa, rau…)	+ Nhận biết được 1 số thực phẩm và món ăn quen thuộc + Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.

10	Biết tên một số món ăn hàng ngày: Trứng rán, cá kho, canh rau…	+ Nhận biết dạng chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn. + Các món ăn quen thuộc ở trường mầm non + Các món ăn trong ngày ở gia đình.
11	Biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	+ Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. + Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật(ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì…)
12	Thực hiện được một số việc đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn	+ Làm quen với cách đánh rang, lau mặt + Tập rửa tay bằng xà phòng + Tháo tất, cởi quần, áo… + Thực hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh…
13	Sử dụng bát, thìa cốc đúng cách.	+ Biết cầm bát, thìa bê xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi, đổ thức ăn.
14	Có một số hành vi tốt trong ăn uống khi được nhắc nhở, uống nước đã đun sôi…	Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sứ khỏe + Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người…
15	Có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh khi được nhắc nhở	Chấp nhận: vệ sinh rang miệng, dội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh, đi dép, giầy khi đi học + Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu
16	Nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm (bàn là, bếp đang đun, phích nước nóng..) khi được nhắc nhở.	+ Không sờ tay vào ổ điện, bàn là, phích nước nóng, bếp đang đun. + Không tự chơi với những đồ vật sắc nhọn, điện, vật nóng.
17	Biết tránh nơi nguy hiểm(hồ ao, bể chứa nước, diếng, hố vôi…) khi được nhắc nhở	+ Nhận ra những nơi như: hồ, ao, mương nước, suối, bể chứa nước…là nơi nguy hiểm, không được chơi gần.
18	Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở	+ Không cười đùa khi ăn, uống hoặc các loại quả có hạt… + Không leo trèo bàn ghế lan can. + Không theo người lạ ra khỏi trường, lớp. + Không tự lấy thuốc uông.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		
*** Khám phá khoa học:**		
19	Quan tâm hứng thú với các sự vật, hiện tượng gần gũi, chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng hay đặt câu hỏi về đối tượng.	* Một số hiện tượng thời tiết nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.

20	Sử dụng các giác quan để xem xét tìm hiểu đối tượng: nhìn, nghe, ngửi, sờ…để nhận ra đặc điểm của đối tượng.	+ Chức năng các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể. + Đặc điểm bên ngoài của con vật, cây, hoa, quả gần gũi, ích lợi và tác hại đối với con người. + Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi, một số loại phương tiện giao thông. + Một số nguồn nước trong sinh hoạt hằng ngày + Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây… + 1 vài đặc điểm, tính chất của đất, đá cát, sỏi..
21	Làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng.	+ Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. VD: thả các vật vào nước để biết vật chìm hay nổi
22	Thu thập thông tin về đối tượng băng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng	- Quan sát nhận xét được nội dung qua xem sách, băng hình, tranh ảnh, trò chuyện… - Các hiện tượng tự nhiên.
23	Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	+ Đặc điểm nổi bật và ích lợi của con vật, cây, hoa, quả quen thuộc. + Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm.
24	Nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật hiện tượng quen thuộc khi được hỏi	+ Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng.
25	Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	+ So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 - 3 đồ dùng, đồ chơi. + So sánh sự khác nhau và giống nhau của 2 con vật, cây, hoa, quả…. + Hiện tượng nắng, mưa nóng lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.
26	Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình…	+ Trẻ biết vận dụng những hiểu biết đã học để trải nghiệm qua các hoạt động… + Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây gần gũi
*** Làm quen với toán**		
27	Quan tâm đến SL và đếm hay hỏi về số đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng Đếm trên các đối tượng	+ Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng. + Đếm vẹt, đếm theo khả năng + So sánh hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 và nói được các từ bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn

	giống nhau và đếm đến 5. So sánh SL hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 và nói được bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn	+ 1 và nhiều
28	Biết tách/gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại trong phạm vi 5	- Gộp hai nhóm đối tượng và đếm + Tách một nhóm đối tượng thành 2 nhóm nhỏ hơn, đếm và nói được kết quả.
29	Nhận ra quy tắc săp xếp đơn giản(mẫu) và sao chép lại.	- Xếp tương ứng 1- 1, ghép đôi. - Xếp xem kẽ…
30	So sánh 2 đối tượng về kích thước	+ So sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: To hơn/ nhỏ hơn, dài hơn/ ngắn hơn, cao hơn/ thấp hơn, bằng nhau…
31	Nhận dạng và gọi tên các hình: Tròn, vuông, tam giác, chữ nhật.	+ Nhận biết gọi tên các hình: Tròn, vuông, chữ nhật, tam giác và nhận dạng được các hình đó trong thực tế. + Sử dụng các hình hình học để chắp ghép.
32	Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân.	+ Nhận biết phía trên- phía dưới, trước- sau, tay phải- tay trái của bản thân.
*** Khám phá xã hội**		
33	Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	+ Tên, tuổi, giới tính. + Sở thích, của bản thân…
34	Nói được tên của bố mẹ và các thành viên trong gia đình	+ Tên của bố mẹ, các thành viên trong gai đình.
35	Nói địa chỉ của gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem tranh ảnh về gia đình.	+ Họ tên, công việc của bố mẹ, những người thân trong gia đình và công việc của họ. Một số nhu cầu của gia đình. + Tên, địa chỉ gia đình (số nhà, đường phố/thôn, xóm)
36	Nói được tên trường, lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	+ Tên, lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo. + Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường
37	Kể tên, và nói được sp của nghề nông, nghề xây dựng… khi được hỏi, xem tranh.	+ Tên gọi, công cụ, sản phẩm, của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương.
38	Kể tên 1 số lễ hội: Ngày khai giảng, tết trung thu qua trò chuyện, tranh ảnh	+ Kể tên 1 số ngày lễ hội: khai giảng, tết trung thu, lễ hội của địa phương, quê hương, đất nước…

39	Kể tên 1 vài danh lam thắng cảnh đẹp của địa phương.	+ Cờ tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh đẹp của địa phương, quê hương, đát nước
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ		
40	Thực hiện được yêu cầu đơn giản, VD: cháu hãy lấy quả bóng ném vào rổ.	+ Hiểu các từ chỉ người, tên gọi, đò vật, sự vật, hành động, hiện tượng, gần gũi, quen thuộc + Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản.
41	Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: Quần áo, đồ chơi, hoa, quả…	+ Hiểu nghĩa từ khái quát: Quần áo, đồ chơi, hoa quả…
42	Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	+ Trả lời được các câu hỏi: Ai? Cái gì? ở đâu? Khi nào ?trong giáo tiếp, trong học tập
43	Nói rõ các tiếng	+ Nói phát âm được rõ ràng + Phát âm được các tiếng của tiếng Việt…
44	Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm....	+ Sử dụng từ ngữ chính xác trong khi nói, gọi tên các đồ dùng , đồ vật xung quanh… + Điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh.
45	Sử dụng được câu đơn, câu ghép	+ Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng + bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng
46	Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra: Thăm ông bà, đi chơi, xem phim....	+ Kể lại sự việc có nhiều tình tiết. + Kể lại truyện đã được nghe, được thấy…
47	Đọc thuộc bài thơ, ca dao, đồng dao...	+ Đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, hò vè… hiểu được nội dung chính của bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò vè…
48	Kể lại truyện đơn giãn đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn	+ Kể lại một vài tình tiết của truyện đã được nghe + Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ.
49	Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong truyện.	+ Đóng kịch. + Đóng vai theo lời dẫn truyện của giáo viên…
50	Sử dụng các từ: Vâng ạ, dạ thưa trong giao tiếp	+ Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép với cô với người lớn. + Lịch sự trong giao tiếp và sinh hoạt với bạn.
51	Nói đủ nghe không nói lý nhí.	+ Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
52	Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách để xem tranh,	+ Trẻ tiếp xúc với sách truyện +Xem và nghe các loại sách khác nhau. + Làm quen với cách đọc tiếng việt + Hướng đọc từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng đọc của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau

		các dấu. + Cầm sách đúng chiều, mở sách xem tranh và "đọc" truyện + Giữ gìn sách.
53	Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh	+ Mô tả sự vật, hiện tượng, tranh ảnh có sự giúp đỡ …
54	Thích vẽ "viết" nguệch, ngoạc.	+ Trẻ tiếp xác với chữ cái + Làm quen với cách viết tiếng việt. + Hướng viết từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Thích vẽ nguệch ngoạc theo ý thích…
PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI		
*** Phát triển tình cảm:**		
55	Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân.	+ Tên, tuổi, giới tính. + Sở thích, khả năng của bản thân.
56	Nói được điều bé thích, không thích.	+ Nói được điều bé thích, không thích, những việc gì bé có thể làm được. + Bé thích được hỏi và trò chuyện về 1 số nghề.
57	Mạnh dạn tham gia vào các hoạy động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	+ Tự chọn đồ chơi, trò chơi theo ý thích. + Chơi hòa thuận với bạn. + Trả lời các câu hỏi trong học tập và sinh hoạt.
58	Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi…)	+ Thích thú với công việc được giao + Hoàn thành công việc và giữ gìn sản phẩm làm ra
59	Nhận ra cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, lời nói, cử chỉ, qua tranh, ảnh.	+ Nhận biết 1 số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói.
60	Biết biểu lộ một số cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	+ Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi, hát, vận động.
61	Nhận ra hình ảnh Bác Hồ.	+ Nhận ra hình ảnh Bác Hồ, lăng Bác Hồ. Qua hoạt động của Bác…
62	Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	+ Kính yêu Bác Hồ. + Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ
*** Phát triển kỹ năng xã hội:**		
63	Thực hiện được 1 số quy định ở lớp và gia đình	+ Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ) không tranh dành

		+ Vâng lời yêu mến ông bà bố mẹ, anh chị em…
64	Biết chào hỏi, nói cảm ơn, xin lỗi, khi được nhắc nhở.	+ Thể hiện Cử chỉ, lời nói lễ phép Chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi … - Chào hỏi và xưng hô lễ phép với người lớn, nói lời cảm ơn khi được giúp đỡ, biết xin lỗi khi có lỗi…
65	Chú ý nghe khi cô, bạn nói.	+ Lắng nghe ý kiến của người khác nói, sử dụng lời nói và cử chỉ lễ phép… + Biết chờ đến lượt khi tham gia vào các HĐ.
66	Cùng chơi với các bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ.	+ Chơi hòa thuận với bạn. + Tham gia hoạt động theo nhóm, tập thể. + Lắng nghe bạn nói để cùng thực hiện.
67	Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây.	+ Yêu quý, thích chăm sóc cây và bảo vệ thiên nhiên và cây cối. + Bảo vệ chăm sóc con vật, cây cối…
68	Bỏ rác đúng nơi quy định	+ Giữ gìn vệ sinh môi trường, bỏ rác đúng nơi quy định. + Nhận biết hành vi " đúng- sai" " tốt – xấu" + Biết giữ gìn vệ sinh môi trường, tiết kiệm điện, nước trong sinh hoạt ở trường, gia đình, và nơi công cộng…
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MĨ		
69	Vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	+ Bộc lộ cảm xúc khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
70	Chú ý nghe, tỏ ra thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc. Thích nghe đọc thơ ca, tục ngữ, thích nghe kể câu chuyện	+ Nghe và nhận ra các loại nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca). Hưởng ứng theo giai điệu bài hát, bản nhạc.
71	Vui sướng chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng…) của các tác phẩm tạo hình.	+ Thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng…) của các tác phẩm tạo hình.
72	Hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	+ Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ….
73	Vận động theo nhịp điệu các bài hát, bản nhạc với	+ Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc.

	các hình thức (vỗ tay theo nhịp, phách, vận động minh họa)	+ Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu....
74	Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	+ Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên để tạo ra các sản phẩm…
75	Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tạo thành bức tranh có bố cục	+ Sử dụng kĩ năng vẽ khéo léo để tạo ra sản phẩm đơn giản
76	Xé, theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản	+ Sử dụng kĩ năng xé dán để tạo ra sản phẩm đơn giản
77	Lăn dọc, xoay tròn ấn dẹt, đất nặn để nặn thành các sản phẩm có 1 khối 2 khối.	+ Sử dụng các kĩ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng đơn giản
78	Xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc đơn giản.	+ Sử dụng các kĩ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét.
79	Nhận xét các sản phẩm tạo hình.	+ Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét.
80	Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	+ Vận động theo ý thích khi hát/ nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.
81	Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	+ Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu để tạo ra sản phẩm đơn giản theo ý thích. + Nói lên ý tưởng tạo hình của mình. + Đặt tên cho sản phẩm của mình. + Giữ gìn sản phẩm của mình, của bạn, của nhóm, lớp.

1.4. Trẻ 24 – 36 tháng

TTMT	MUC TIÊU	NỘI DUNG
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT		
01	Thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/ bụng và chân.	- Hô hấp: tập hít vào, thở ra. –Tay: giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. – Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vặn người sang 2 bên. – Chân: ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân..
02	Giữ được thăng bằng trong vận động đi/ chạy	* Đi, chạy - Đi theo hiệu lệnh, đi trong đường hẹp.

	thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bê vật trên tay.	- Đi có mang vật trên tay. - Chạy theohướng thẳng. - Đứng co 1 chân.
03	Thực hiện phối hợp vận động tay - mắt	* Tung, ném, bắt - Tung- bắt bóng cùng cô. - Ném bóng về phía trước. - Ném bóng vào đích.
04	Phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng.	* Bò, trườn: - Bò thẳng hướng và có vật trên lưng. - Bò chui qua cổng. - Bò, trườn qua vật cản.
05	Thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m).	* Nhún bật, ném, đá bóng: - Bật tại chỗ. - Bật qua vạch kẻ. - Ném xa
06	Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện "múa khéo".	* Xoay cổ tay, bàn tay, ngón tay thực hiện một số vận động múa đơn giản
07	Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động	* Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò xé. - Đóng cọc bàn gỗ. - Nhón nhặt đồ vật. - Tập xâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây. - Chắp ghép hình. - Chồng, xếp 6-8 khối. - Tập cầm bút tô, vẽ. - Lật mở trang sách.
08	Thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	* Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Nền nếp thói quen tốt trong ăn uống.
09	Ngủ 1 giấc buổi trưa.	* Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa.
10	Đi vệ sinh đúng nơi qui định.	* Tập đi vệ sinh đúng nơi qui định.
11	Làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn.	* Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn n, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau ệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định. - Tập tự phục vụ: - Xúc cơm, uống nước. - Chuẩn bị chỗ ngủ. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.

12	Chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh	Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo bị bẩn, bị ướt.
13	Biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.	* Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ và hoặc đến gần.
14	Biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn, ...) khi được nhắc nhở.	* Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		
15	Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của đối tượng.	* Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật, ng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, ngửi ... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng – mềm trơn (nhẵn) - xù xì. - Nếm vị một số thức ăn, quả (ngọt - mặn - chua)
16	Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	* Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp.
17	Nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	* Tên và 1 số đặc điểm bên ngoài của bản thân - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. - Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/ lớp.
18	Nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể khi được hỏi.	* Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân
19	Nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.	* Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc. - Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi.
20	Chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/ xanh theo yêu cầu.	- Màu đỏ - Màu vàng - Màu xanh.
21	Chỉ hoặc lấy hoặc cất	- Kích thước to - nhỏ.

	đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu.	- Hình tròn, hình vuông. - Vị trí trong không gian (trên - dưới, trước - sau) so với bản thân trẻ. - Số lượng một - nhiều.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ		
22	Thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động.	* Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói. Ví dụ: Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay.
23	Trả lời các câu hỏi đơn giản	- Nghe các câu hỏi: cái gì? làm gì? để làm gì? ở đâu? như thế nào? (ví dụ: con gà gáy thế nào?", ...)
24	Hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật.	* Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn. - Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý.
25	Phát âm rõ tiếng.	* Phát âm các âm khác nhau
26	Đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	* Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng. . - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.
27	Nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	* Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp
28	Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: Chào hỏi, trò chuyện. Bày tỏ nhu cầu của bản thân. Hỏi về các vấn đề quan tâm	* Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài. - Trả lời và đặt câu hỏi: cái gì?, làm gì?, ở đâu?, ... thế nào?, để làm gì?, tại sao?... - Con gì đây? cái gì đây?
29	Nói to, đủ nghe, lễ phép.	* Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn. - Lắng nghe khi người lớn đọc sách
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM , KỸ NĂNG XÃ HỘI- THẨM MĨ		
30	Nói được một vài thông tin về mình	* Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân. - Tên, tuổi...
31	Thể hiện điều mình thích và không thích.	* Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình

32	Biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	* Giao tiếp với những người xung quanh. - Biểu lộ bằng cử chỉ, lời nói
33	Nhận biết và biểu lộ được trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.	* Nhận biết và thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận, sợ hãi.
34	Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi	* Quan tâm đến các vật nuôi. - Bắt chước tiếng kêu, gọi..
35	Biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ.	* Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ "dạ", 'vâng ạ"; chơi cạnh bạn, không cấu bạn.
36	Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ.	* Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định. - Trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...
37	Chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	* Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.
38	Thực hiện một số yêu cầu của người lớn.	* Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt nhóm, lớp xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi quy định
39	Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát / bản nhạc quen thuộc.	* Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát vận động đơn giản theo nhạc
40	Thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh	* Vẽ các đường nét khác nhau, di mầu cầm bút di màu, vẽ nguyệch ngoạc, xé, vò, xếp hình. - Xem tranh

III. DỰ KIẾN CÁC CHỦ ĐỀ TRONG NĂM HỌC 2026 - 2027

1. Khối lá: Trẻ 5 – 6 tuổi: Gồm 10 chủ đề, thực hiện trong 35 tuần

Tên chủ đề	Số tuần	Nhánh hoạt động	Thời gian	Lễ hội &sự kiện
Chủ đề 1 Trường MN	3	Nhánh 1: Trường Mầm non của bé Nhánh 2: Lớp học của bé Nhánh 3: Các bạn là ai	7/9 - 11/9 14/9 – 18/9 21/9 – 25/9	Mùa thu ngày khai trường
Chủ đề 2 Bản Thân	3	Nh 1: Tôi là ai - Vui cùng trung thu Nhánh 2: Bé có gì trên cơ thể? Nhánh 3. Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	28/9 – 2/10 5/10 -9/10 12/10 -16/10	Bé vui đón trung thu
Chủ đề 3 Gia đình	4	Nhánh 1: Gia đình bé có ai? Nhánh 2: Ngôi nhà hạnh phúc	19/10 –23/10 26/10-30/10	Chào mừng

		Nh 3: Bé cần biết họ hàng nhà bé. Nhánh 4: Gia đình bé cần gì?	2/11 -6/11 9/11- 13/11	20/10
Chủ đề 4 Nghề Nghiệp	4	Nh1: Cô giáo của bé- nghề sản xuất Nhánh 2: Bé yêu cô bác nông dân Nhánh 3: Bé biết gì về nghề dịch vụ Nh4: Nghề truyền thống địa phương	16/11- 20/11 23/11-27/11 30/12-4/12 7/12– 11/12	Ngày nhà giáo việt nam 20/11
Chủ đề 5 Động vật	4	Nhánh 1: Bé yêu động vật gia đình Nhánh 2: Động vật trong rừng Nhánh 3: Động vật sống dưới nước Nhánh 4: Côn trùng – chim	14/12 -18/12 21/12-25/12 28/12 -1/1 4/1- 8/01	Ngày 22/12 Tết dương lịch
Chủ đề 6 Thực vật	4	Nhánh 1: Cây xanh quanh bé Nhánh 2: Những lương thực bé biết Nhánh 3: Sắc màu của hoa Nhánh 4: Bé vui đón tết	11/1-15/1 18/1-22/1 25/1-29/1 15/2 – 19/2	Tết nguyên đán
Chủ đề 7 Giao thông	4	Nhánh 1: PTGT đường bộ Nhánh 2: PTGT đường thủy Nh3: PTGT đường sắt & Hàng không Nhánh 4: Bé với an toàn giao thông	22/2-26/2 1/3-5/3 8/3-12/3 15/3- 19/3	Mừng ngày 8/3 Mừng
Chủ đề 8 Nước và HTTN	3	Nh 1: Bé biết các ngày trong tuần Nhánh 2: Sự cần thiết của nước. Nhánh 3: Các hiện tượng tự nhiên và các mùa trong năm	22/3- 26/3 29/3-2/4 5/4- 9/4	Ngày GP GN
Chủ đề 9 QH, ĐN, BH	4	Nhánh 1: Gia Nghĩa quê em. Nhánh 2: Em yêu biển đảo Nhánh 3: Các món ăn truyền thống Nhánh 4: Bác Hồ kính yêu	12/4 – 16/4 19/4-23/4 26/4-30/4 3/5– 7/5	Giỗ tổ hùng vương Ngày 30/4 và 1/5
Chủ đề 10 Trường tiểu học	2	Nhánh 1: Bé biết gì về trường tiểu học ? Nhánh 2: Bé làm quen với đồ dùng lớp 1	10/5-14/5 17/5– 21/5	Mừng ngày sinh nhật Bác 19/5

2. Khối Chồi: Trẻ 4 - 5 tuổi: Gồm 9 chủ đề, thực hiện trong 35 tuần

Tên chủ đề	Số tuần	Nhánh hoạt động	Thời gian	Lễ hội -sự kiện
Chủ đề 1 Trường Mầm Non	4	Nhánh 1: Trường mầm non Nhánh 2: Các HĐ ở trường MN Nhánh 3: Bé vui Trung thu và các bạn Nhánh 4: Lớp học của bé.	- 7/9- 11/9 - 14/9-18/9 - 21/9/-25/9 - 28/9- 02/10	- Mùa thu ngày khai trường - Bé vui trung thu

Chủ đề 2 Bản Thân	4	Nhánh 1: Bé là ai Nhánh 2: Tôi có gì trên cơ thể? Nhánh 3. Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh Nhánh 4: Sở thích của bé	- 05/10 - 9/10 - 12/10-16/10 - 19/10-23/10 - 26/10-30 /10	Mừng ngày LHPN 20/10
Chủ đề 3 Gia đình	4	Nh 1: Các thành viên trong GĐ bé Nhánh 2: Ngôi nhà của bé. Nhánh 3: Họ hàng trong gia đình bé - Bé vui mừng cô Nhánh 4: Nhu cầu của gia đình bé	- 02/11-6/11 - 9/11-13/11 - 17/11-20/11 -23/11- 27/11	Chào mừng NGVN 20/11
Chủ đề 4 Nghề Nghiệp	4	Nhánh 1: Nghề sản xuất Nhánh 2: Bé làm nghề dịch vụ. Nh 3: Cháu yêu chú bộ đội Nh 4: Những nghề bé biết	- 30/12 -4/12 - 7/12- 11/12 - 14/12- 18/12 - 21/12-25/12	Chào mừng ngày 22/12 QĐNDVN
Chủ đề 5 Động vật	4	Nhánh 1: Những con vật nuôi trong gia đình Nhánh 2: Những ĐV quý hiếm rừng xanh. Nhánh 3: Những động vật sống dưới nước? Nhánh 4: Một số côn trùng - chim.	- 28/12-01/01 - 4/1-8/01 - 11/01-15/01 - 18/1- 22/01	Tết dương lịch - Bé chăm sóc và bảo vệ các con vật đáng yêu
Chủ đề 6 Thực vật	4	Nhánh 1: Bé vui đón Tết Nhánh 2: Một số loại hoa Nhánh 3: Những loại lương thực bé biết Nhánh 4: Cây xanh quanh bé	- 25/ – 29/01 - 15/2 - 19/2 - 22/2 – 26/2 -01/3 - 05/3	- Bé chăm sóc và bảo vệ cây xanh - Chào tết Nguyên đán 2027
Chủ đề 7 Giao thông	4	Nhánh 1: Bé với GT đường bộ Nhánh 2: Bé với GT đường sắt - đường hàng không Nhánh 3: Giao thông đường thuỷ Nhánh 4: Bé với an toàn GT	- 8/3-12/3 - 15/3- 19/3 - 22/3- 26/3 - 29/03- 2/4	- Bé với an toàn giao thông -Mừng ngày GP Gia Nghĩa 23/3
Chủ đề 8 Nước và HTTN	3	Nhánh 1: Một số hiện tượng tự nhiên Nhánh 2: Sự cần thiết của nước Nh 3: Bé biết gì các mùa trong năm	- 5/4 - 9/4 - 12/04- 16/4 - 19/4 – 23/4	Giỗ tổ Hùng Vương
Chủ đề 9 QH, ĐN, BH	4	Nhánh 1: Gia nghĩa quê em. Nhánh 2: Cảnh đẹp Việt Nam. Nhánh 3: Các dân tộc Tây Nguyên Nhánh 4: Bác Hồ của em.	- 26/4 - 30/4 - 03/5- 07/5 - 10/5 - 14/5 - 17/5 - 21/5	- Mừng ngày 30/4 -1/5 Mừng sinh nhật Bác Hồ kính yêu

3. Khối Mầm: Trẻ 3 – 4 tuổi: Gồm 9 chủ đề, thực hiện trong 35 tuần

Tên chủ đề	Số tuần	Nhánh hoạt động	Thời gian	Lễ hội -sự kiện
Chủ đề 1 Trường Mầm Non	4	Nhánh 1: Trường mầm non Nhánh 2: Các hoạt động ở trường MN Nh 3: Bé vui Trung thu và các bạn Nhánh 4: Lớp học của bé.	- 7/9- 11/9 - 14/9-18/9 - 21/9/-25/9 - 28/9- 02/10	- Mùa thu ngày khai trường - Bé vui trung thu
Chủ đề 2 Bản Thân	4	Nhánh 1: Bé là ai Nhánh 2: Tôi có gì trên cơ thể? Nhánh 3. Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh Nhánh 4: Sở thích của bé	- 05/10 - 9/10 - 12/10-16/10 - 19/10-23/10 - 26/10-30 /10	Mừng ngày LHPN 20/10
Chủ đề 3 Gia đình	4	Nh 1: Các thành viên trong GĐ bé Nhánh 2: Ngôi nhà của bé. Nhánh 3: Họ hàng trong gia đình bé - Bé vui mừng cô Nhánh 4: Nhu cầu của gia đình bé	- 02/11-6/11 - 9/11-13/11 - 17/11-20/11 -23/11- 27/11	Chào mừng NGVN 20/11
Chủ đề 4 Nghề Nghiệp	4	Nhánh 1: Nghề sản xuất Nhánh 2: Bé làm nghề dịch vụ. Nh 3: Cháu yêu chú bộ đội Nh 4: Những nghề bé biết	- 30/12 -4/12 - 7/12- 11/12 - 14/12- 18/12 - 21/12-25/12	Chào mừng ngày 22/12 QĐNDVN
Chủ đề 5 Động vật	4	Nhánh 1: Những con vật nuôi trong gia đình Nhánh 2: Những ĐV quý hiếm rừng xanh. Nhánh 3: Những động vật sống dưới nước? Nhánh 4: Một số côn trùng - chim.	- 28/12-01/01 - 4/1-8/01 - 11/01-15/01 - 18/1- 22/01	Tết dương lịch - Bé chăm sóc và bảo vệ các con vật đáng yêu
Chủ đề 6 Thực vật	4	Nhánh 1: Bé vui đón Tết Nhánh 2: Một số loại hoa Nhánh 3: Những loại lương thực bé biết Nhánh 4: Cây xanh quanh bé	- 25/ – 29/01 - 15/2 - 19/2 - 22/2 – 26/2 -01/3 - 05/3	- Bé CS và bảo vệ cây xanh - Chào mừng tết NĐ 2027
Chủ đề 7 Giao thông	4	Nhánh 1: Bé với GT đường bộ Nhánh 2: Bé với GT đường sắt - đường hàng không Nhánh 3: Giao thông đường thuỷ Nhánh 4: Bé với an toàn GT	- 8/3-12/3 - 15/3- 19/3 - 22/3- 26/3 - 29/03- 2/4	- Bé với ATGT -Mừng ngày GP Gia Nghĩa 23/3
Chủ đề		Nhánh 1: Một số hiện tượng tự	- 5/4 - 9/4	Giỗ tổ

8 Nước và HTTN	3	nhiên Nhánh 2: Sự cần thiết của nước Nh 3 Bé biết gì các mùa trong năm	- 12/04- 16/4 - 19/4 – 23/4	Hùng Vương
Chủ đề 9 QH, ĐN, BH	4	Nhánh 1: Gia nghĩa quê em. Nhánh 2: Cảnh đẹp Việt Nam. Nhánh 3: Các dân tộc Tây Nguyên Nhánh 4: Bác Hồ của em.	- 26/4 - 30/4 - 03/5- 07/5 - 10/5 - 14/5 - 17/5 - 21/5	Mừng ngày 30/4 -1/5 Mừng sinh nhật BH

4. Trẻ 24 - 36 tháng: Gồm 09 chủ đề, thực hiện trong 35 tuần

Tên chủ đề	Số tuần	Nhánh hoạt động	Thời gian	Lễ hội -sự kiện
Chủ đề 1 Bé với trường MN thân yêu	4	Nhánh 1:Trường MN HL của bé nhánh 2:Lớp học và Cô giáo của bé Nhánh 3: Bé vui đón trung thu & các HĐ ở trường Nhánh 4: Các cô bác ở trường MNHL	- 7/9- 11/9 - 14/9-18/9 - 21/9/-25/9 - 28/9- 02/10	- Mùa thu ngày khai trường - Vui trung thu cùng bé
Chủ đề 2: Bé và các bạn	4	Nhánh 1: Bé là ai ? Nhánh 2: Các bạn của bé Nhánh 3: Các giác quan của bé Nhánh 4: Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	- 05/10 - 9/10 - 12/10-16/10 - 19/10-23/10 - 26/10-30 /10	Chào mừng ngày LHPN 20/10
Chủ đề 3: Gia đình Thân yêu của bé	4	Nhánh 1: Người thân yêu của bé Nhánh 2: Ngôi nhà của bé Nhánh 3: Bé biết được công việc người thân trong GĐ & Bé vui mừng cô Nhánh 4: Đồ dùng trong gia đình của bé biết.	- 02/11-6/11 - 9/11-13/11 - 17/11-20/11 -23/11- 27/11	Chào mừng NGVN 20/11
Chủ đề 4 Đồ dùng, đồ chơi của bé	4	Nhánh 1: Đồ dùng của bé Nh 2: Những đồ chơi chuyển động Nh 3: Đồ chơi lắp ráp xây dựng Nhánh 4: Bé biết nhiều thứ	- 30/12 -4/12 - 7/12- 11/12 - 14/12- 18/12 - 21/12-25/12	Chào mừng ngày 22/12 QĐNDVN
Chủ đề 5: Những con vật đáng yêu	4	Nhánh 1 Những chú vật nuôi trong gia đình Nhánh 2: Cùng xem 1 số con vật sống trong rừng Nhánh 3: Dưới nước có những con vật gì Nhánh 4: 1 số côn trùng quanh bé	- 28/12-01/01 - 4/1-8/01 - 11/01-15/01 - 18/1- 22/01	- Tết dương lịch - Bé chăm sóc và bảo vệ các con vật đáng yêu
Chủ đề 6: Thực vật tết và mùa xuân	4	Nhánh 1: Một số hoa, quả bé biết Nhánh 2: Bé vui đón tết Nhánh 3: Những loại lương thực bé biết Nhánh 4: Một số loại rau, củ	- 25/ – 29/01 - 15/2 - 19/2 - 22/2 – 26/2 -01/3 - 05/3	- Bé chăm sóc bảo vệ cây xanh - Đón chào tết Nguyên đán

		xung quanh bé		2026
Chủ đề 7 PTGT	4	Nhánh 1: Bé với GT đường bộ Nhánh 2: Bé với GT đường thủy Nhánh 3: Bé với GT đường hàng không Nhánh 4: Bé đi đường an toàn	- 8/3-12/3 - 15/3- 19/3 - 22/3- 26/3 - 29/03- 2/4	Mừng ngày GP Gia Nghĩa 23/3
Chủ đề 8 Nước & HTTN	3	Nhánh 1: Thời tiết là gì nhỉ ? Nhánh 2: Sự cần thiết của nước. Nhánh 3: Mùa mưa - mùa khô	- 5/4 - 9/4 - 12/04- 16/4 - 19/4 – 23/4	Giỗ tổ Hùng Vương
Chủ đề 9 Mùa hè bé lên MG	4	Nhánh 1: Mùa hè của bé Nhánh 2: Trang phục mùa hè Nhánh 3: Lớp học mẫu giáo Nhánh 4: Các hoạt động của lớp mẫu giáo	- 26/4 - 30/4 - 03/5- 07/5 - 10/5 - 14/5 - 17/5 - 21/5	Mừng ngày 30/4 -1/5 Mừng sinh nhật Bác Hồ kính yêu

Trên đây là Kế hoạch thực hiện chăm sóc giáo dục năm học 2026 – 2027 của trường mầm non Hoa Lan, các khối lớp triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện kế này có thể điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế./.

Nơi nhận
- HT (b/c);
- BGH;
- Tổ khối, GV;
- Lưu HSCM

Người lập kế hoạch
Phó hiệu trưởng

Phạm Thị Tiến

DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG

UBND PHƯỜNG ĐÔNG GIA NGHĨA T. LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG MẦM NON HOA LAN

Hà Thị Phương Nga